

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ KHOÁNG SẢN QUẢNG NAM

*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000100139, đăng ký lần đầu ngày 25/05/2005,
thay đổi lần 13 ngày 21/11/2020*



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số:/SGDHN-QĐ do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày tháng năm 2024)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày...../...../2024 tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ KHOÁNG SẢN QUẢNG NAM

Trụ sở : Cụm Công nghiệp Hà Lam - Chợ Được, Xã Bình Phục, Huyện Thăng Bình,
Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại : +84 (235) 3665022 Fax: +84 (235) 3665024

Website : www.minco.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên : Phan Minh Tuấn Chức vụ: Kế toán trưởng

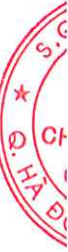
Điện thoại : 0935.555.390

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Trụ sở chính: Tầng 5, tòa nhà Samsora Premier, số 105 Chu Văn An, Phường Yết Kiêu,
Quận Hà Đông, Hà Nội.

Điện thoại : +84 (24) 3944 5474 Fax: +84 (24) 3944 5475

Website : www.nsi.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ KHOÁNG SẢN QUẢNG NAM

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000100139, đăng ký lần đầu ngày 25/05/2005, thay đổi lần 13 ngày 21/11/2020

Trụ sở: Cụm Công nghiệp Hà Lam - Chợ Được, Xã Bình Phục, Huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: +84 (235) 3665022 Fax: +84 (235) 3665024

Website: www.minco.com.vn Email: info@minco.com.vn

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI



Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mã cổ phiếu: MIC

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng niêm yết: 5.544.946 cổ phần (năm triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn, chín trăm bốn mươi sáu cổ phiếu)

Tổng giá trị niêm yết: 55.449.460.000 đồng (năm mươi lăm tỷ, bốn trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng)
(tính theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện Thoại : +84 (24) 71050000

Fax: +84 (24) 62885678

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Trụ sở chính : Tầng 5, tòa nhà Samsora Premier, số 105 Chu Văn An, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, Hà Nội.

Điện thoại : +84 (24) 3944 5474

Fax: +84 (24) 3944 5475

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp	8
3. Rủi ro đặc thù.....	8
4. Rủi ro khác	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	9
1. Tổ chức niêm yết.....	9
2. Tổ chức tư vấn	9
III. CÁC KHÁI NIỆM	9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	10
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:.....	10
2. Cơ cấu tổ chức công ty.....	17
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	18
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	29
5. Danh sách công ty mẹ và các công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	31
6. Hoạt động kinh doanh	31
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	45
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	49
9. Chính sách đối với người lao động	53
10. Chính sách cổ tức	55
11. Tình hình hoạt động tài chính	55
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	68
13. Tài sản	81
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo	84
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	86
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	87
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	87
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	87
1. Loại chứng khoán:	87

2. Mã chứng khoán:	87
3. Mệnh giá:	87
4. Tổng số cổ phiếu niêm yết:	87
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:	87
6. Xếp hạng tín nhiệm	88
7. Phương pháp tính giá	88
8. Phương thức thực hiện quyền.	89
9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	89
10. Các loại thuế có liên quan	89
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	90
VII. PHỤ LỤC.....	90

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của MIC	14
Bảng 2: Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của MIC tại ngày 26/09/2024	30
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại ngày 26/09/2024	30
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu các mảng hoạt động của MIC – Công ty mẹ	34
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu các mặt hàng của MIC – Hợp nhất	35
Bảng 6: Chi phí sản xuất kinh doanh của MIC – Công ty mẹ.....	38
Bảng 7: Chi phí sản xuất kinh doanh của MIC – Hợp nhất	38
Bảng 8: Danh sách các hợp đồng lớn của MIC đến Quý III/2024	43
Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh của MIC – Công ty mẹ	45
Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh của MIC – Hợp nhất	46
Bảng 11 : Chính sách cổ tức của MIC.....	55
Bảng 12: Thời gian khấu hao ước tính	56
Bảng 13: Các khoản phải thu – Công ty mẹ.....	57
Bảng 14: Các khoản phải thu – Hợp nhất.....	58
Bảng 15: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước – Công ty mẹ	61
Bảng 16: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước – Hợp nhất.....	61
Bảng 17: Số dư các quỹ của MIC– Công ty mẹ	62
Bảng 18: Số dư các quỹ của MIC – Hợp nhất.....	62
Bảng 19: Các khoản vay, nợ thuê tài chính của MIC – Công ty mẹ	62
Bảng 20: Nợ phải trả của MIC – Công ty mẹ.....	64
Bảng 21: Nợ phải trả của MIC – Hợp nhất	64
Bảng 22: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối – Hợp nhất	66
Bảng 22: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	66
Bảng 23: Danh sách thành viên HĐQT của MIC.....	68
Bảng 24: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát của MIC	75
Bảng 25: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc của MIC	78
Bảng 26: Tài sản cố định hữu hình – Công ty mẹ.....	81
Bảng 27: Tài sản cố định hữu hình – Hợp nhất.....	82
Bảng 28: Một số tài sản cố định hữu hình lớn của MIC tại thời điểm 30/06/2024.....	82
Bảng 29: Tài sản cố định vô hình – Công ty mẹ	83
Bảng 30: Tài sản cố định vô hình – Hợp nhất.....	83
Bảng 31: Kế hoạch kinh doanh	84

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động sản xuất của một doanh nghiệp không chỉ chịu sự tác động từ những yếu tố nội tại bên trong doanh nghiệp mà còn chịu sự ảnh hưởng từ những yếu tố môi trường bên ngoài doanh nghiệp như: sự tăng trưởng của nền kinh tế, lạm phát, các chính sách lãi suất,...

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng nền kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng phản ánh khả năng tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề và lĩnh vực kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp, góp phần giúp các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, trong đó có Minco.

Giai đoạn 2020 - 2021 là một giai đoạn khó khăn và đầy thách thức đối với kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng do ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch SARS-Cov-2. Dưới tác động của đại dịch, đời sống kinh tế, xã hội đứng trước nhiều thách thức, không chỉ ở Việt Nam mà còn trên phạm vi toàn thế giới. Những lệnh phong tỏa, những hậu quả đáng tiếc của SARS-Cov-2 đã để lại những mảng tối trong đời sống của từng người dân, từng doanh nghiệp. Trong điều kiện đó, với sự nỗ lực của các cấp chính quyền cùng với sự đồng lòng của người dân, Việt Nam từng bước vượt qua đại dịch, tập trung xây dựng lại nền kinh tế. Nhờ những nỗ lực không ngừng nghỉ đó mà kinh tế Việt Nam vẫn đảm bảo tăng trưởng trong năm 2020 - 2021 và trở thành nền kinh tế đứng thứ 4 ở Đông Nam Á. Đây được xem là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2021 thuộc nhóm cao nhất thế giới. Điều này cho thấy tính đúng đắn trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và sự quyết tâm, đồng lòng của người dân và cộng đồng doanh nghiệp để thực hiện có hiệu quả mục tiêu “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế – xã hội”.

GDP năm 2022 tăng cao ở mức 8,02% so với năm trước, là mức tăng cao nhất các năm trong giai đoạn 2011-2022. GDP toàn năm 2023 tăng trưởng 5,05%, tuy thấp hơn mục tiêu đề ra nhưng là mức cao trên thế giới và khu vực. Quy mô nền kinh tế đạt 430 tỉ USD, bước vào nhóm các nước trung bình cao. Trong năm 2023, nhiều chính sách, giải pháp được thực hiện đồng bộ, kịp thời và hiệu quả để hỗ trợ nền kinh tế, doanh nghiệp và người dân. Đã miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất gần 191,5 nghìn tỉ đồng. Bội chi NSNN khoảng 3,5% GDP, dư nợ công khoảng 37% GDP, dư nợ Chính phủ khoảng 34% GDP, thấp hơn nhiều so với mức trần và ngưỡng cảnh báo. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 681 tỉ USD; xuất siêu 28,3 tỉ USD góp phần bảo đảm cân thanh toán, hỗ trợ cân đối ngoại tệ.

GDP quý III/2024 ước tính tăng 7,40%, GDP 9 tháng 2024 ước tăng 6,82% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,20%, đóng góp 5,37% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,19%, đóng góp 46,22%; khu vực dịch vụ tăng 6,95%, đóng góp 48,41%. Đây có thể coi là dấu hiệu khả quan để năm 2024 đạt được mục tiêu GDP đã đề ra của Quốc hội.

Cũng như các ngành khác, tăng trưởng kinh tế là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu của người dân và toàn xã hội đối với các sản phẩm, dịch vụ của Công ty.

1.2. Lạm phát

Ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát là một trong những mục tiêu quan trọng trong việc ổn định và phát triển nền kinh tế tại Việt Nam. Giai đoạn năm 2020-2021, dưới tác động ngày càng nghiêm trọng của dịch Covid -19, sau thời gian dài thực hiện phong tỏa để phòng chống dịch bệnh, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Hoạt động sản xuất toàn cầu đã bị đình trệ vì các vấn đề liên quan đến chuỗi cung ứng. Sự bất cân bằng giữa cung – cầu đã thúc đẩy tăng giá nhiều mặt hàng, dịch vụ qua đó đẩy nguy cơ lạm phát lên mức cao. Hàng loạt các nền kinh tế lớn đã phải ứng phó với mức lạm phát cao kỷ lục.

Năm 2022, lạm phát đạt 3,15%, là mức tăng mạnh so với năm 2021 và so với mức lạm phát của khu vực ASEAN+3 (bao gồm các nước ASEAN và Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản). Năm 2023, tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức 3,25%, được coi là con số tích cực phản ánh sự hiệu quả của các biện pháp kiểm soát lạm phát từ Chính phủ. Việc duy trì tỷ lệ lạm phát dưới 4% đã góp phần đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế. Nhờ đó, năm 2023, cả ba tổ chức xếp hạng tín nhiệm S&P, Moody's và Fitch Ratings tiếp tục đánh giá tích cực, xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam, trong đó Fitch Ratings đã nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam từ mức BB lên mức BB+ “Triển vọng ổn định”. Bình quân 9 tháng đầu năm 2024, CPI tăng 3,88% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,69%, mức thấp nhất trong vòng 8 tháng qua, cho thấy lạm phát tiền tệ đang được kiểm soát chặt chẽ. Việc lạm phát tăng cao sẽ đặt gánh nặng kiểm soát lạm phát lên các cơ quan chức năng. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia kinh tế cho rằng, kịch bản lạm phát được kiểm soát ở mức 4,2%-4,5% trong năm 2024 là khả quan với sự nỗ lực từ Chính phủ.

Trong bối cảnh tình hình lạm phát tác động chung đến các ngành kinh tế, sự tăng trưởng và hoạt động kinh doanh của Công ty cũng chịu nhiều ảnh hưởng, để ứng phó với các điều kiện thay đổi của môi trường kinh doanh, Công ty đã chủ động phân tích, đánh giá tác động của các yếu tố vĩ mô từ đó xây dựng định hướng, chiến lược kinh doanh để đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty ổn định, tăng trưởng và có hiệu quả.

1.3. Rủi ro tỷ giá

Tỷ giá hối đoái cũng là một nhân tố có tác động nhỏ đến nền kinh tế của các quốc gia có hoạt động ngoại thương lớn như Việt Nam. Mỗi biến động trên thị trường ngoại hối quốc tế và Việt Nam sẽ có ảnh hưởng ngay tức thì tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam, cũng như tới cán cân thanh toán quốc gia.

Năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid 19 khiến thị trường vàng, chứng khoán liên tục biến động nhưng tỷ giá USD/VND vẫn tương đối ổn định do việc dự trữ ngoại hối cao kỷ lục, Ngân hàng Nhà nước có đủ công cụ và nguồn lực để điều hành tỷ giá theo hướng ổn định, đáp ứng cung-cầu thị trường. Năm 2021, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh tỷ giá USD/VND mua giao ngay tổng cộng 3 lần sau khi Mỹ và Việt Nam tiếp tục đạt được tiếng nói chung và phía Việt Nam cam kết không cố tình can thiệp vào thị trường để làm giá VND. Trên thị

trường liên ngân hàng, tại ngày 31/12/2021 tỷ giá USD/VND đạt 22.826 đồng giảm 1,18% so với đầu năm.

Năm 2022 là một năm đầy biến động đối với thị trường tiền tệ - ngoại tệ của Việt Nam. Trong năm 2022, Cục dự trữ liên bang Mỹ FED đã nâng lãi suất quỹ liên bang 5 lần, bên cạnh diễn biến thị trường quốc tế phức tạp, chiến tranh Nga-Ukraine đã tạo nhiều áp lực lên tỷ giá và thị trường ngoại tệ của Việt Nam. Đã từng có thời điểm đồng VNĐ mất 9% thị giá so với năm 2021. Trong bối cảnh khó lường từ các diễn biến kinh tế thế giới, năm 2022-2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã nhiều lần can thiệp với những biện pháp bình ổn giá bán trung tâm, và bán ra ngoại tệ để giảm áp lực nguồn cung, giữ ổn định bức tranh tỷ giá tại Việt Nam. Tuy nhiên, trong năm 2024, đặc biệt là những tháng cuối năm, tỷ giá USD/VND có xu hướng tăng mạnh trở lại. Nguyên nhân chính của việc tăng giá là do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt với lãi suất cao trong thời gian dài, khiến đồng USD tăng giá so với các đồng tiền khác. Bên cạnh đó, diễn biến từ việc bầu cử tổng thống Mỹ năm 2024 cũng khiến tâm lý các nhà đầu tư hưng phấn hơn dẫn đến việc đẩy cao giá trị của đồng USD so với VNĐ.

MIC là doanh nghiệp khai khoáng, những biến động tỷ giá có thể ảnh hưởng đến giá bán sản phẩm của MIC, đồng thời có thể ảnh hưởng tới giá nguyên vật liệu đầu vào của Công ty. Công ty đã tiến hành phân tích và đánh giá ảnh hưởng của rủi ro này là không lớn đối với hoạt động của Công ty, và Công ty luôn có những biện pháp để giảm thiểu ảnh hưởng của loại rủi ro này.

1.4. Rủi ro lãi suất

Giai đoạn 2019 - 2021 có thể coi là giai đoạn thành công điều tiết chính sách tiền tệ của NHNN khi nhiều chính sách được ban hành, đồng thời có những động thái can thiệp đúng lúc khi thị trường bắt đầu manh nha có những biến động. Nhiều biện pháp hỗ trợ khó khăn, nhiều chương trình kích thích sản xuất đã được Chính phủ nỗ lực thực hiện, trong đó việc giảm chi phí lãi vay cho các doanh nghiệp sản xuất luôn được chú trọng. Trần lãi suất cho vay năm 2021 được duy trì ở mức 4,5%/năm.

Năm 2022 – 2023, Ngân hàng Nhà nước đã có những biện pháp can thiệp để điều chỉnh lãi suất điều hành trong bối cảnh nền kinh tế trong và ngoài nước có nhiều bất ổn. Năm 2023, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện 4 lần điều chỉnh giảm lãi suất điều hành để hỗ trợ phục hồi nền kinh tế. Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, tính chung cả năm 2023, lãi suất huy động đã giảm bình quân 2,5 - 3% so với đầu năm. Năm 2024, để kích thích nhu cầu tín dụng của cả nước nói chung, Ngân hàng nhà nước và các ngân hàng thương mại đã tăng mặt bằng lãi suất chung từ 0,5% - 1% trong 9 tháng đầu năm. Dự kiến trong những tháng cuối năm 2024, theo diễn biến chung của nền kinh tế trong nước và thế giới, lãi suất huy động tại các ngân hàng thương mại được dự báo sẽ tăng thêm 0,3% đến cuối năm 2024.

Ban điều hành Công ty luôn thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ra quyết định sử dụng khoản vay từ Ngân hàng để kiểm soát, hạn chế rủi ro lãi suất. Để hạn chế tác động của lãi suất lên hoạt động kinh doanh, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi phí như giảm vốn vay từ ngân hàng và thay bằng các nguồn khác có chi phí vốn thấp hơn. Dự kiến, trong thời gian tới, cùng với chủ trương hạ mức lãi suất ngân hàng, rủi ro lãi suất sẽ giảm đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình tăng trưởng nhanh chóng. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp luật và chính sách của Việt Nam vẫn chưa đồng bộ và ổn định như các nền kinh tế đã phát triển. Thêm vào đó, sự thay đổi chính sách hay cách hiểu và vận dụng pháp luật có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi mà có thể gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với các doanh nghiệp trong nước.

Công ty là công ty đại chúng đang hướng đến việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tập trung, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Thuế, Bộ luật Lao động, Luật Chứng khoán, Luật Khoáng sản và các nghị định, thông tư hướng dẫn... Trong những năm gần đây, nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập sâu rộng trên trường quốc tế, ký kết nhiều hiệp định, các văn bản Luật dần được ban hành mới. Trong đó, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019 thay thế Luật Chứng khoán 2006 và Luật Chứng khoán sửa đổi 2010 có nhiều sửa đổi, thay thế.

Luật và các văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, Công ty luôn chủ động nghiên cứu nắm bắt các quy định mới nhằm tuân thủ các điều luật, nâng cao tính minh bạch, đặc biệt là đưa khả năng quản trị Công ty tiệm cận với các thông lệ tốt của quốc tế giúp việc quản lý ngày một hiệu quả hơn.

3. Rủi ro đặc thù

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai khoáng, ngoài các rủi ro nêu trên, MIC có khả năng đối mặt với một số rủi ro đặc thù ngành. Đặc điểm của ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng rất lớn vào các điều kiện tự nhiên nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty. Mặc dù Công ty đã có những nghiên cứu, khảo sát đánh giá về địa chất, chất lượng khoáng sản nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình khai thác nhưng cũng không thể tránh khỏi những biến động bất thường về địa chất, chất lượng khoáng sản. Những biến động của thời tiết như mưa, bão lụt, hạn hán cũng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hoạt động trong ngành công nghiệp khoáng sản là một thách thức không nhỏ đối với Công ty do việc khai thác khoáng sản còn phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố môi trường, vấn đề bảo vệ tài nguyên môi trường. Tuy MIC luôn tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, sự gia tăng hàng năm của một số chi phí như: phí bảo vệ môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản... có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về giấy phép khai thác mỏ: Thời hạn khai thác các mỏ của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Ngoài ra nếu hoạt động khai thác mỏ của Công ty không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc cũng có thể sẽ không được gia hạn giấy phép khai thác hoặc bị rút giấy phép trước thời hạn. Rủi ro về việc bị rút hoặc không gia hạn giấy phép khai thác mỏ từ phía Công ty về mặt thực tế là không nhiều do năng lực và chất lượng kỹ thuật khai thác của Công ty hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn.

4. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, Công ty còn có thể phải chịu các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố, v.v... Những rủi ro này dù

ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Bà:	Lê Thị Thu Hường	Chức vụ:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông:	Phạm Ngọc An	Chức vụ:	Tổng giám đốc
Ông:	Phan Minh Tuấn	Chức vụ:	Kế toán trưởng
Bà:	Lê Thị Hạnh	Chức vụ:	Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Ông:	Hồ Anh Dũng	Chức vụ:	Tổng Giám đốc
------	-------------	----------	---------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn số 77/2022/HĐTVNY/NSI-MIC ngày 07/07/2022 với Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

Công ty/MIC/Minco	:	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam
CP	:	Cổ phần
CTCP	:	Công ty cổ phần
MTV	:	Một thành viên
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BKS	:	Ban kiểm soát
TGD	:	Tổng Giám đốc
TSCĐ	:	Tài sản cố định
VCSH	:	Vốn chủ sở hữu

HĐKD	:	Hoạt động kinh doanh
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
ĐKKD	:	Đăng ký kinh doanh.
CMND	:	Chứng minh nhân dân
CCCD	:	Căn cước công dân
BCTC	:	Báo cáo tài chính
CBNV	:	Cán bộ nhân viên
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên tổ chức:	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ KHOÁNG SẢN QUẢNG NAM	
Tên tiếng Anh:	Quang Nam Mineral Industry Corporation	
Tên viết tắt:	MINCO	
Trụ sở:	Cụm Công nghiệp Hà Lam - Chợ Được, Xã Bình Phục, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam.	
Điện thoại:	+84 (235) 3665022	Fax: +84 (235) 3665024
Website:	www.minco.com.vn	

Logo:



Vốn điều lệ:	55.449.460.000 đồng (Bằng chữ: năm mươi lăm tỷ, bốn trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).
Vốn điều lệ thực góp:	55.449.460.000 đồng (Bằng chữ: năm mươi lăm tỷ, bốn trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).
Mã cổ phiếu:	MIC
Giao dịch tại:	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UPCOM)
Đại diện theo pháp luật:	Phạm Ngọc An – Tổng Giám đốc

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000100139, đăng ký lần đầu ngày 25/05/2005, thay đổi lần 13 ngày 21/11/2020, các ngành nghề kinh doanh của công ty như sau:

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	0899	Khai khoáng khác chưa được phân bổ vào đâu Chi tiết: Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản cấm)
2	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
3	2392	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
4	4933	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ
5	0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác Chi tiết: Tư vấn đầu tư về các hoạt động khoáng sản và thiết kế mỏ
6	02101	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Trồng rừng và chăm sóc rừng cây thân gỗ
7	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu
8	7111	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thăm dò địa chất và nguồn nước
9	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê kho bãi, nhà xưởng sản xuất, văn phòng làm việc
10	1313	Hoàn thiện sản phẩm dệt
11	1311	Sản xuất sợi
12	2310	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh

Hoạt động sản xuất chính: Khai thác, chế biến và kinh doanh cát trắng; Khai thác, chế biến và kinh doanh bột trắng thạch; Cho thuê kho bãi, nhà xưởng sản xuất, văn phòng làm việc.

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

1984

Tiền thân của Minco là Xí nghiệp Khai thác Cát công nghiệp và xuất khẩu Quảng Nam - Đà Nẵng được thành lập năm 1984 theo Quyết định số 91/QĐ-UB ngày 11/01/1984 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng.

1993

Công ty đổi tên thành Công ty Khoáng sản Quảng Nam-Đà Nẵng với mức Vốn kinh doanh là 228.000.000 đồng theo Quyết định 333/QĐ-TCNSĐT ngày 29/05/1993 của Bộ Công nghiệp.

2000

Công ty đổi tên thành Công ty Công nghiệp Miền Trung theo Quyết định 1459/QĐ-UB ngày 06/06/2000 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Nam

2004

Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước (Công ty Công nghiệp miền Trung) theo quyết định số 5078/QĐ-UB ngày 09/12/2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2005

Ngày 25/05/2005 Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3303070128 (nay đổi lại là 4000100139) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 25/05/2005, vốn điều lệ 4,5 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn Nhà nước là 51% vốn điều lệ.

2007

Tháng 04/2007 Công ty tăng vốn điều lệ từ 4,5 tỷ đồng lên 12,5 tỷ đồng để tái cấu trúc nguồn vốn kinh doanh, đồng thời đáp ứng mức vốn điều lệ (10 tỷ đồng) để đăng ký niêm yết tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội;

Tháng 06/2007, Công ty tăng vốn điều lệ lên 12,95 tỷ đồng (phát hành 45.000 cổ phần để trả một phần cổ tức năm 2006);

Công ty đã được niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 29/GCN-TTGDHN ngày 18/12/2007, Mã chứng khoán là MIC, chính thức giao dịch vào ngày 21/12/2007.

Từ năm 2008 đến 2011, Công ty thực hiện các lần tăng vốn điều lệ:

2008**2011**

- 05/2008: tăng vốn điều lệ lên 14,8 tỷ đồng (trả cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu).

- 9/2009-2/2010 tăng vốn điều lệ lên 19,9 tỷ đồng (phát hành 496.412 cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn CSH).

- 12/2010: tăng vốn điều lệ lên 24,9 tỷ đồng (phát hành 513.000 cổ phiếu cho 3 cổ đông chiến lược).

- 05/2011: tăng vốn điều lệ lên 54,9 tỷ đồng (trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu; chào bán 2.446.515 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; phát hành 116.250 cổ phiếu cho người lao động).

2014**2015**

Ngày 28/5/2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra quyết định số 278/SGDHN v/v Hủy niêm yết cổ phiếu Công ty CP Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam khi công ty lỗ 03 năm liên tiếp;

Ngày 16/7/2014, ĐHCĐ Minco đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ với số lượng 58.900 CP cho SCIC để cân trừ nợ vốn.

Ngày 27/12/2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã có Quyết định số 727/QĐ-SGDHN ngày 27/12/2014 chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam tại Sở GDCK Hà Nội với mã cổ phiếu là MIC và số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 5.486.046 cổ phiếu.

Ngày 12/01/2015 là ngày giao dịch đầu tiên của 5,4 triệu cổ phiếu MIC tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, sàn UPCOM.

Tháng 3/2015, MIC phát hành 58.900CP cho SCIC để cân trừ nợ vốn.

2021

Công ty tập trung tái cấu trúc tài chính, hoàn thiện hoạt động sản xuất và thiết lập mạng lưới khách hàng lớn trong và ngoài nước, đẩy mạnh hoạt động sản xuất và bán hàng, củng cố năng lực tài chính Công ty vững mạnh. Công ty đã trở thành một trong những doanh nghiệp lớn, uy tín, có nhiều đóng góp cho cộng đồng... tạo bản lề vững chắc cho chiến lược phát triển Công ty từ năm 2022 trở đi, trong đó tập trung xây dựng chuỗi giá trị cốt lõi ngành công nghiệp Silica.

**2022
-
2024**

Công ty tiếp tục hoàn thiện tái cấu trúc Công ty theo hướng chuyên nghiệp, tăng cường chuyển đổi số hoạt động quản trị doanh nghiệp, gia tăng chất lượng sản phẩm cát trắng chất lượng cao đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe cho các ngành sản xuất kính năng lượng mặt trời, vật liệu công nghệ cao... Tháng 9/2022, Công ty đã nhận được Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư điều chỉnh lần 1 số 2570/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, theo đó, công suất khai thác mỏ cát trắng Hương An được nâng lên 300.000 tấn/năm. Đây là điều kiện thuận lợi để Công ty mở rộng quy mô sản xuất, đẩy mạnh việc cung cấp các sản phẩm tới khách hàng, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Các giải thưởng đã đạt được:

Thời gian	Danh hiệu	Cơ quan trao tặng
2000	Huân chương Lao động hạng III	Chủ tịch nước
2003	Huy chương vàng: Sản phẩm cát khuôn đúc	Hội chợ thương mại quốc tế VIETNAM EXPO năm 2003
2004	Huy chương vàng: Sản phẩm Cát TTB (59-62) tại hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2004	Bộ Công nghiệp và Bộ Khoa học Công nghệ
	Huy chương vàng : Sản phẩm silica powder BTA#200 và BTA#325	
	Giải Quả cầu vàng tại Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn năm 2004;	Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2004
2005	Huy chương vàng :Sản phẩm cát chế biến TTB (44-48)	Hội chợ Thương mại quốc tế VIETNAM EXPO năm 2005
	Huy chương vàng : Sản phẩm silica powder BTA#400	

	Giấy khen "đã có thành tích chấp hành tốt chính sách thuế năm 2005"	Quyết định số 280/QĐ-TCT ngày 28/3/2006 của Tổng Cục thuế
2007	Hai huy chương vàng : Sản phẩm cát khuôn đúc và silica powder BTA#325	Hội chợ Công nghiệp quốc tế do Bộ Công nghiệp tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh tháng 6/2007

1.3 Quá trình tăng vốn điều lệ

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của MIC

Đơn vị tính: triệu đồng

Các lần tăng vốn	Thời gian tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng	Vốn tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
	2005	4.500	-	4.500	Ghi nhận vốn điều lệ sau cổ phần hóa	- Quyết định số 5078/QĐ-UB ngày 09/12/2004 của UBND tỉnh Quảng Nam. - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ĐKKD lần đầu CTCP số 3303070128 ngày 25/05/2005.
1	4/2007	4.500	8.000	12.500	- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 150.000 CP (tỷ lệ phát hành: 3:1, giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần) - Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư lớn: 650.000 CP (Giá chào bán: theo thỏa thuận với từng nhà đầu tư nhưng không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần. Tổng giá trị thu được từ việc chào bán: 14.734.912.500 đồng)	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/12/2006. - Quyết định HĐQT số 01/QĐ-HĐQT ngày 26/11/2006 về kế hoạch phát hành cổ phiếu và chi trả cổ tức năm 2006.

	6/2007	4.500	450	12.950	- Trả cổ tức năm 2006 (Số lượng cổ phiếu trả cổ tức: 45.000 CP, tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu)	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ 2007 ngày 21/05/2007. - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Công văn số 934/UBCK-QLPH ngày 27/06/2007 về việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức. - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ĐKKD thay đổi lần 3 ngày 19/04/2007. - Quyết định số 395/QĐ-TTGDHN ngày 17/12/2007 v/v chấp thuận niêm yết cổ phiếu MIC.
2	5/2008	12.950	1.942,4	14.892,4	Trả cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu (Số lượng cổ phiếu: 194.240 cổ phiếu, tỷ lệ 15%)	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ/CPKSN-ĐHĐCĐ ngày 04/04/2008. - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Công văn số 804/UBCK-QLPH ngày 08/05/2008 về việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho CĐHH. - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ĐKKD thay đổi lần 6 ngày 04/09/2008. - QĐ số 358/QĐ-TTGDHN ngày 21/10/2008 của TTGDCKHN v/v chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu MIC.
2	9/2009	14.892,4	4.964,12	19.856,52	- Phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn CSH - Số lượng cổ phiếu: 496.412 CP - Tỷ lệ phát hành: 3:1	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01NQ/ĐHĐCĐ 2009 ngày 26/04/2009 của Minco. - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo thông báo ngày 17/09/2009 về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo việc phát hành cổ phiếu. - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp

						<p>ĐKKD thay đổi lần thứ 7 ngày 27/12/2009.</p> <p>- QĐ số 60/QĐ-SGDHN ngày 01/02/2010 của Sở GDCKHN v/v chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu MIC.</p>
3	12/2010	19.856,52	5.130	24.986,52	<p>Phát hành cổ phiếu cho 03 cổ đông chiến lược: 513.000 CP (Giá chào bán: 30.000 đồng/cổ phần, mục đích sử dụng vốn: đầu tư vào các dự án phát triển sản xuất kinh doanh của MIC)</p>	<p>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01NQ/ĐHĐCĐ 2009 ngày 26/04/2009 của Minco.</p> <p>- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo thông báo ngày 17/09/2009 về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo việc phát hành cổ phiếu.</p> <p>- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp thay đổi ĐKKD lần thứ 7 ngày 27/12/2009.</p> <p>- QĐ số 973/QĐ-SGDHN ngày 22/12/2010 của Sở GDCKHN v/v chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu MIC.</p>
4	5/2011	24.986,52	29.873,94	54.860,46	<p>-Trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 17%)</p> <p>-Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 2.446.515 CP (tỷ lệ chào bán 1:1; giá chào bán: 15.000 đồng/cổ phiếu</p> <p>-Phát hành CP cho người lao động: 116.250 CP (giá phát hành: 15.000 đồng/cổ phần)</p> <p>Mục đích sử dụng vốn: góp 15% vốn điều lệ của liên doanh Công ty TNHH Vàng Phước Sơn và tái cấu trúc</p>	<p>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01 NQ/ĐHĐCĐTN 2010 này ngày 29/05/2010 của Minco.</p> <p>- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 753/UBCK-GCN ngày 07/12/2010.</p> <p>- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp thay đổi lần 9 ngày 30/05/2011.</p> <p>- QĐ số 219/QĐ-SGDHN ngày 17/05/2011 của Sở GDCKHN v/v chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu MIC.</p>

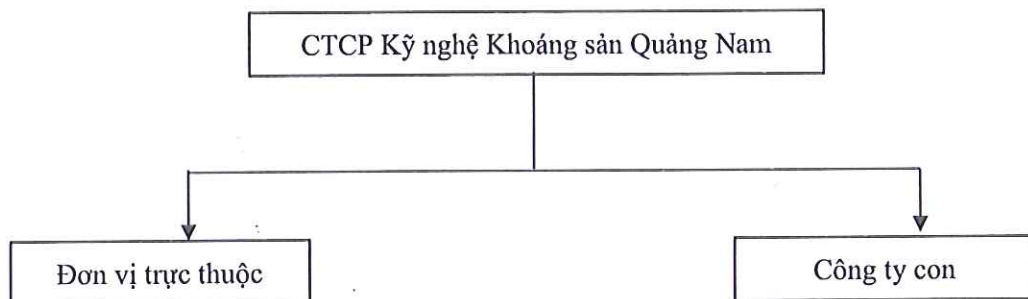
					nguồn vốn kinh doanh	
6	3/2015	54.86	0.589	55.449	Phát hành riêng lẻ 58.900 cổ phiếu cho SCIC để cân trừ nợ vốn	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02 NQ/ĐHĐCĐTN 2014 ngày 16/07/2014 của Minco. - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Văn bản số 494/UBCK-QLPH ngày 02/02/2015 về phát hành thành công cổ phiếu riêng lẻ. - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ĐKKD thay đổi lần thứ 12 ngày 29/01/2015. - QĐ số 194/QĐ-SGDHN ngày 09/04/2015 của Sở GDCKHN v/v chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu MIC.

Nguồn: MIC

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty. Điều lệ Công ty đã được sửa đổi bổ sung phù hợp với Điều lệ mẫu áp dụng đối với các Công ty niêm yết, được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐTN2021 ngày 29/06/2021 và là cơ sở chi phối mọi hoạt động của Công ty.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của MIC tại thời điểm hiện nay như sau:

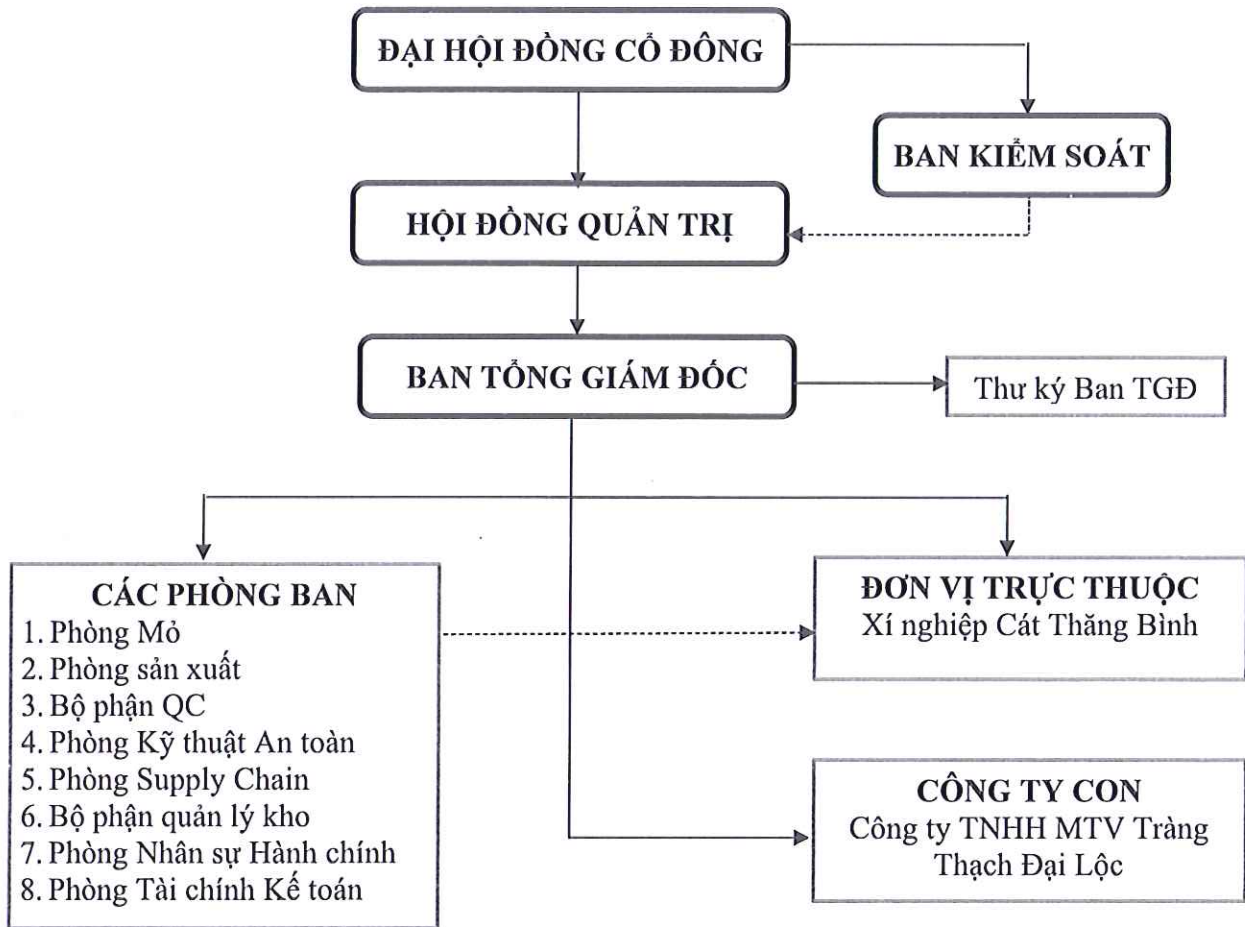


- Đơn vị trực thuộc: Xí nghiệp cát Thăng Bình, địa chỉ: Cụm CN Hà Lam – Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam;

- Công ty con: Công ty TNHH MTV Tràng Thạch – Đại Lộc. Địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

3.1 Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý



3.2 Diễn giải sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý theo mô hình công ty cổ phần, gồm:

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định sửa đổi Điều lệ Công ty;

- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại (cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi, trái phiếu);
- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

❖ Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Công ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Người điều hành khác; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý, người điều hành đó; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;



- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; Yêu cầu phá sản Công ty;
- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Theo quy định tại khoản 1 điều 26 Điều lệ tổ chức và Hoạt động của Công ty, số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là từ 03-07 người. Danh sách các thành viên HĐQT Công ty bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Lê Thị Thu Hường	Chủ tịch HĐQT
Phạm Ngọc An	Thành viên HĐQT kiêm TGD
Nguyễn Văn Việt	Thành viên HĐQT – độc lập
Nguyễn Thế Lâm	Thành viên HĐQT – độc lập
Nguyễn Anh Nguyên	Thành viên HĐQT

❖ Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt các Cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành MIC, thực trạng tài chính MIC và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Theo quy định tại khoản 1 điều 37 Điều lệ tổ chức và Hoạt động của Công ty, số lượng thành viên Ban Kiểm soát là 03 thành viên; danh sách các thành viên Ban kiểm soát Công ty bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Lê Thị Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát
Nguyễn Văn Dũng	Thành viên Ban kiểm soát
Nguyễn Anh Tài	Thành viên Ban kiểm soát

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý công việc hàng ngày của MIC theo Điều lệ của MIC. Ban Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT.

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Phạm Ngọc An	Thành viên HĐQT kiêm TGD
Trần Thanh Sơn	Phó Tổng giám đốc thường trực
Phan Minh Tuấn	Kế toán trưởng

❖ **Các phòng ban chức năng**

• **Phòng Mô:**

Công tác Quản lý về pháp lý các hoạt động khai thác mỏ và bảo vệ môi trường:

- Chủ trì và phối hợp với các đơn vị (Công ty con) trong việc thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục pháp lý trong hoạt động khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường.
- Nghiên cứu và áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm, các quy định về công tác kỹ thuật, đảm bảo chất lượng các công trình đầu tư liên quan đến công tác khai thác mỏ.
- Chủ trì tổ chức thẩm tra, giám sát các giai đoạn trong quá trình đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ.
- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định kỹ thuật, quy trình, quy phạm và hoạt động khai thác mỏ của các đơn vị (Công ty con), việc thi công của nhà thầu (nếu có), kịp thời đề xuất phương án xử lý.
- Theo dõi, tổng hợp khối lượng thi công, tình hình thi công khai thác mỏ; Đề nghị các giải pháp kỹ thuật, biện pháp cụ thể cho công tác thi công khai thác mỏ, giúp Tổng giám đốc kịp thời chỉ đạo tiến độ thi công khai thác mỏ.
- Chủ trì trong việc lập và trình duyệt biện pháp thi công khai thác, mặt bằng tổ chức thi công khai thác, tổng tiến độ thi công khai thác mỏ; Kiểm tra rà soát kết quả thực hiện tiến độ theo tiến độ thi công khai thác đã được phê duyệt để đề xuất các biện pháp đẩy nhanh tiến độ hoặc thay đổi biện pháp, khu vực thi công khai thác.
- Chủ trì lập báo cáo định kỳ, hàng năm, hàng tháng và đột xuất về công tác khai thác mỏ, báo cáo khai thác khoáng sản; báo cáo về môi trường; báo cáo về tài nguyên nước; báo cáo về quản lý kỹ thuật thiết bị khai thác, tiến độ, an toàn trong hoạt động khai thác.

- Quản lý lưu trữ và báo cáo các tài liệu hồ sơ về hoạt động khai thác mỏ và môi trường có liên quan.

Công tác thẩm tra trình duyệt thiết kế dự toán và tổng dự toán:

- Chủ trì lập các hợp đồng tư vấn hoặc đề án - phương án khai thác.
- Lập và trình phê duyệt Phương án khai thác, hoàn thổ phục hồi môi trường hàng năm và tổng dự toán của các phương án đã lập.
- Công tác nghiệm thu thanh quyết toán:
 - + Tổ chức nghiệm thu giai đoạn trong thi công khai thác mỏ và hoàn thổ phục hồi môi trường, nghiệm thu kỹ thuật các công trình, hạng mục công trình đầu tư xây dựng khai thác mỏ theo quy định.
 - + Kiểm tra tính đúng đắn và đầy đủ về hồ sơ hoàn công, khối lượng nghiệm thu thanh quyết toán trong hoạt động khai thác và hoàn thổ phục hồi môi trường.
- Tham gia công tác đấu thầu liên quan đến việc khai thác mỏ.
- Công tác bảo hộ an toàn lao động, vệ sinh môi trường.
 - + Đôn đốc, theo dõi và cùng các đơn vị lập các biện pháp an toàn thi công kèm theo biện pháp thi công trong hoạt động khai thác mỏ.
 - + Thường xuyên kiểm tra hiện trường, phát hiện ngăn ngừa và xử lý các trường hợp mất an toàn trong thi công khai thác mỏ.
- Cùng các Phòng chức năng Công ty lập kế hoạch đầu tư đối với các dự án do Công ty làm chủ đầu tư, báo cáo Tổng giám đốc đề trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Bám sát chỉ tiêu kế hoạch khai thác mỏ và bảo vệ môi trường dài hạn, kế hoạch năm, kế hoạch quý (trong khai thác mỏ) để tham mưu giúp Tổng giám đốc Công ty về tiến độ và tình hình thực hiện các kế hoạch khai thác, hoàn thổ và phục hồi môi trường trong khai thác mỏ của Công ty.
- Phòng Mỏ là đầu mối thực hiện công tác quản lý các hợp đồng tư vấn liên quan đến công tác khai thác mỏ: các dự án đầu tư công trình khai thác mỏ; các dự án cải tạo phục hồi môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Đánh giá tác động môi trường; Giám sát môi trường; Tái nguyên nước và xả thải vào nguồn nước.
- Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Hợp đồng tư vấn trong hoạt động khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường trong Công ty hàng quý, năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.
- Tìm hiểu năng lực, kinh nghiệm sở trường và lợi thế của đối tác, báo cáo đề xuất về cơ hội hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết với các đối tác trong nước và ngoài nước trong việc đầu tư dự án (về khai thác khoáng sản nếu có) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Quan hệ với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc đăng ký đầu tư (về khai thác khoáng sản), hoàn tất các thủ tục đầu tư (về khai thác khoáng sản), theo đúng các quy chế hiện hành của nhà nước và của địa phương.

- **Phòng Sản xuất:**

- Tiếp nhận thông tin về sản lượng sản xuất, lập kế hoạch sản xuất bao gồm nguyên vật liệu, tài chính, điều phối nhân lực để triển khai đảm bảo sản xuất được xuyên suốt.
- Kiểm tra, phân tích thành phần độ hạt, giám sát sản lượng sản xuất và báo cáo kịp thời số liệu, sự cố về chất lượng sản phẩm.
- Lập dự trữ, dự toán mua sắm vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu... đảm bảo sản xuất không bị gián đoạn.
- Có kế hoạch đảm bảo kho bãi cho nguồn nguyên liệu dự trữ và sản phẩm sản xuất.
- Tìm kiếm kho bãi dự phòng.
- Quản lý toàn bộ máy móc thiết bị, nguyên liệu, hàng hóa thành phẩm, sản phẩm dở dang... Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của máy móc thiết bị, phát hiện những hư hỏng để xử lý kịp thời.
- Tổ chức sản xuất an toàn, an toàn lao động, sắp xếp nơi làm việc sạch sẽ, ngăn nắp, khoa học, vệ sinh.
- Đề xuất tuyển dụng, điều chuyển, khen thưởng, kỷ luật lao động

- **Phòng QC (Quality Control)**

Chịu trách nhiệm trước Ban Tổng giám đốc về kết quả phân tích chuẩn xác của sản phẩm, cụ thể:

- Xây dựng quy trình, tiêu chuẩn về thí nghiệm, đánh giá kiểm soát chất lượng sản phẩm.
- Kiểm tra/phân tích chất lượng nguyên liệu, bán thành phẩm, sản phẩm.
- Giám sát, hỗ trợ Phòng sản xuất về quản lý chất lượng nguyên liệu, sản phẩm.
- Mua sắm vật tư, thiết bị, hoá chất... phục vụ công tác kiểm soát chất lượng sản phẩm.
- Các công việc khác do Ban Tổng giám đốc phân công.

- **Phòng Kỹ thuật An toàn:**

Công tác Quản lý Công nghệ, sản xuất và giám sát chất lượng:

- Nghiên cứu và áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm, các quy định về công tác kỹ thuật, đảm bảo chất lượng các công trình đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản; Hướng dẫn các Nhà máy và đơn vị liên quan việc thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn và qui định nêu trên.
- Soạn thảo, trình duyệt, ban hành các quy định, quy trình vận hành của Công ty về công tác quản lý kỹ thuật - chất lượng, sản xuất và sử dụng thiết bị cơ giới và giám sát việc thực hiện của quy trình này.
- Kiểm tra, phân tích, giám sát chất lượng sản phẩm của Công ty. Đề xuất các biện pháp xử lý để đạt chất lượng sản phẩm đã đề ra nếu có sự cố hay phản ánh của khách hàng đối với sản phẩm khoáng sản của Công ty.

- Theo dõi, tổng hợp hoạt động của dây chuyền chế biến khoáng sản; Đề nghị các giải pháp kỹ thuật, biện pháp cụ thể cho công tác vận hành của dây chuyền chế biến, giúp Tổng Giám đốc kịp thời chỉ đạo tiến độ thi công khai thác mỏ, quản lý chất lượng của sản phẩm sau chế biến.
- Quản lý lưu trữ, các tài liệu hồ sơ kỹ thuật, chất lượng.

Tham gia công tác đấu thầu mua sắm vật tư, máy móc thiết bị.

Phụ trách, giám sát thực hiện công tác an toàn – vệ sinh lao động:

- Phối hợp với Phòng NSHC và Nhà máy (Công ty con) tập hợp, phổ biến các quy định về công tác an toàn – vệ sinh lao động cho người lao động; phối hợp tổ chức các khoá huấn luyện về công tác an toàn – vệ sinh lao động cho người lao động trong Công ty.
- Phối hợp với Phòng NSHC và Nhà máy (Công ty con) soạn thảo, trình duyệt, ban hành các quy định về công tác an toàn – vệ sinh lao động.
- Phối hợp với tổ chức Công đoàn, các Phòng liên quan kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện chế độ an toàn – vệ sinh lao động.
- Giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác an toàn – vệ sinh lao động và đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm về bảo hộ lao động trình lãnh đạo Công ty.
- Đôn đốc, theo dõi và cùng các đơn vị (công ty con) lập các biện pháp an toàn thi công kèm theo biện pháp thi công trong hoạt động khai thác mỏ.
- Thường xuyên kiểm tra hiện trường, phát hiện ngăn ngừa và xử lý các trường hợp mất an toàn trong thi công khai thác mỏ và trong quá trình sản xuất.

Công tác ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật:

- Cập nhật thường xuyên những ứng dụng công nghệ mới vào việc thiết kế, thi công để đẩy nhanh tiến độ công trình, giảm giá thành sản phẩm.
- Chủ trì và phối hợp với các phòng ban và Nhà máy có liên quan đề xuất khen thưởng kịp thời cho các cá nhân, tập thể có sáng kiến cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất.

Công tác liên quan đến định mức, đơn giá, dự toán:

- Chủ trì và phối hợp với các đơn vị (Công ty con) xây dựng và trình Tổng Giám đốc Công ty ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho toàn công ty và các Công ty con làm cơ sở lập các dự toán khối lượng, chi phí sản xuất trong từng công đoạn của hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản.
- Kiểm tra, giám sát việc áp dụng các đơn giá định mức đã ban hành tổng dự toán chi phí giá thành sản xuất kinh doanh của Công ty.

• **Phòng Supply Chain:**

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch và điều hành chuỗi cung ứng sản phẩm. Theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch và điều chỉnh của Công ty.

- Lựa chọn, tham mưu cho Tổng Giám đốc giao dịch và ký kết các hợp đồng thương mại và các hợp đồng kinh tế liên quan đến công việc cung ứng sản phẩm.
- Xây dựng giá bán của từng loại sản phẩm. Tham mưu, đề xuất giá bán, điều chỉnh giá bán các loại sản phẩm phù hợp với tình hình thị trường, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.
- Theo dõi việc thực hiện các hợp đồng đã ký kết, các đơn đặt hàng đã xác nhận và thực hiện việc giao hàng cho khách hàng.
- Lập kế hoạch giao hàng, kế hoạch vận chuyển để các đơn vị có liên quan chuẩn bị sản phẩm, phương tiện vận chuyển. Tổ chức thực hiện việc vận chuyển hàng hóa để giao cho khách hàng đảm bảo chất lượng, đủ số lượng theo yêu cầu.
- Tiếp nhận, đề xuất xử lý thông tin phản hồi về chất lượng sản phẩm từ phía khách hàng. Kiến nghị, đề xuất việc tăng, giảm số lượng, điều chỉnh quy cách, chủng loại, chất lượng sản phẩm cho phù hợp với yêu cầu của khách hàng.
- Theo dõi hiệu quả của việc kinh doanh, đề xuất việc chi hoa hồng môi giới, khuyến mại cho các khách hàng và các chi phí dịch vụ hỗ trợ trong hoạt động kinh doanh đảm bảo đúng qui định.
- Thường xuyên theo dõi và chủ động thực hiện việc thu nợ của khách hàng theo đúng nội dung hợp đồng thương mại đã ký kết.
- Theo dõi, đánh giá, lựa chọn các đối tác cung cấp dịch vụ để đảm bảo quá trình giao nhận hàng hóa được thông suốt và hiệu quả.
- Chủ trì triển khai PR, Marketing, chăm sóc khách hàng nhằm duy trì và thúc đẩy hoạt động kinh doanh.
- Thực hiện các thủ tục thông quan hàng hóa.
- Bàn giao số lượng hàng hóa giao cho khách hàng, thông báo số liệu phát hành hóa đơn.
- Quản trị rủi ro trong quá trình cung ứng sản phẩm.

- **Bộ phận quản lý kho**

Chịu trách nhiệm trước Ban Tổng giám đốc về công tác quản lý kho thành phẩm, vật tư, nhiên liệu, cụ thể:

- Quản lý kho sản phẩm.
- Quản lý kho cát nguyên liệu khai thác và mua ngoài.
- Theo dõi, quản lý kho vật tư, nhiên liệu.
- Mua sắm, cấp phát vật tư theo yêu cầu.
- Các công việc khác do Ban Tổng giám đốc phân công

- **Phòng Nhân sự – Hành chính**

Công tác nhân sự:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy, quy định chức năng nhiệm vụ của Công ty, mối quan hệ, luồng thông tin phối hợp giữa các đơn vị đảm bảo mô hình vận hành hiệu quả, phù hợp với từng giai đoạn.
- Tìm kiếm, lựa chọn và đề xuất bố trí sắp xếp nhân sự phù hợp với khả năng cá nhân và yêu cầu của Công ty.
- Chủ trì đề xuất và thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến bổ nhiệm, miễn nhiệm, đề bạt, cách chức, khen thưởng và kỷ luật nhân sự trong Công ty.
- Xây dựng, đề xuất cơ chế chính sách đãi ngộ cho người lao động: lương, thưởng, các chính sách phụ cấp, trợ cấp, tăng giảm lương, thưởng, các chính sách, đãi ngộ khác cho người lao động.
- Thực hiện việc chi trả các chế độ đối với người lao động theo đúng quy định của công ty và pháp luật: Chấm công, tính toán tiền lương, tiền thưởng, BHXH, BHYT, BHTN, chế độ nghỉ lễ, phép...
- Phân tích, xác định nhu cầu, xây dựng định biên nhân sự các đơn vị phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty và đảm bảo không lãng phí nguồn lực.
- Tổ chức tuyển dụng nhân sự theo kế hoạch đảm bảo nhu cầu của các đơn vị.
- Công tác đào tạo: Khảo sát, xác định nhu cầu và xây dựng kế hoạch đào tạo, xác định nội dung đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo nội bộ và đào tạo thuê ngoài.
- Thiết kế, hướng dẫn và tổ chức xây dựng bản mô tả công việc, tiêu chuẩn chức danh của Công ty.
- Quản lý, theo dõi, đánh giá thực hiện công việc, đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực trong công ty.
- Công tác khen thưởng, kỷ luật: Đề xuất các chủ trương, chính sách về công tác thi đua khen thưởng; Tổ chức phát động, xây dựng các chương trình, kế hoạch nội dung thi đua khen thưởng cho từng thời kỳ và từng lĩnh vực.
- Công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp: Đề xuất và tổ chức xây dựng, phát triển văn hóa Công ty, xây dựng và tổ chức triển khai các phong trào thi đua, tạo môi trường làm việc gắn bó trong Công ty và cạnh tranh với các doanh nghiệp khác.
- Phối hợp xây dựng, giám sát thực hiện công tác ATVSLĐ, PCCC trong doanh nghiệp và Nhà máy sản xuất.

Công tác Hành chính:

- Công tác Hành chính quản trị, mua sắm thiết bị, vật tư, CCDC Văn phòng:
 - + Đề xuất mua sắm và bảo đảm vật chất, trang thiết bị, văn phòng phẩm, nước uống cho văn phòng. Quản lý, bảo trì bảo dưỡng các loại tài sản văn phòng; theo dõi, giám sát việc quản lý và sử dụng tài sản thiết bị văn phòng của công ty.
 - + Chuẩn bị phòng họp, phục vụ các điều kiện cho cuộc họp.
- Công tác văn thư lưu trữ:

- + Tiếp nhận, vào sổ công văn đi và đến; rà soát, theo dõi văn bản trình ký, sắp xếp hồ sơ, tài liệu để lưu trữ vào sổ sách, theo dõi luân chuyển hồ sơ.
- + Sử dụng, quản lý con dấu đúng quy định của Công ty và pháp luật.
- Quản lý, sắp xếp bố trí Phương tiện di chuyển phục vụ nhu cầu công việc:
 - + Chuẩn bị các điều kiện đảm bảo (vé máy bay, xe ô tô, ...) cho cán bộ công nhân viên đi công tác.
 - + Đặt vé máy bay/chuẩn bị phương tiện di chuyển phục vụ cho các CBNV khi đi công tác, làm việc trong và ngoài nước.
- Tổ chức công tác hậu cần:
 - + Chăm sóc sức khỏe cán bộ công nhân viên; hướng dẫn, giám sát thực hiện nếp sống vệ sinh khoa học, phòng chống dịch bệnh.
 - + Tổ chức, quản lý bếp ăn và phục vụ ăn uống cho bộ công nhân viên.
 - + Thực hiện công tác lễ tân: Phối hợp với các đơn vị tổ chức đón tiếp khách trong nước và nước ngoài.
 - + Quản lý tổng đài điện thoại và xử lý các thông tin giao dịch.
 - + Thực hiện các thủ tục xin phép xuất nhập cảnh, đặt vé máy bay; đặt phòng... Đón tiếp khách nước ngoài, và thực hiện các thủ tục lễ tân, ngoại giao, khánh tiết.
 - + Tổ chức công tác hậu cần cho các sự kiện cũng như các hoạt động chung, giao nhận công văn, bưu phẩm, thư tín của Công ty.
 - + Đảm bảo an ninh an toàn cho vùng mỏ, tài sản, máy móc thiết bị cho các đơn vị.

Công tác khác:

- Sắp xếp lịch làm việc, lịch họp, lịch công tác, tổ chức các cuộc họp, ghi chép và tổng hợp nội dung các cuộc họp cho Ban lãnh đạo/điều hành để phục vụ việc quản lý điều hành.
- Chuẩn bị tài liệu, thu thập thông tin cần thiết theo yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty.
- Tiếp nhận, phân loại, sắp xếp, xử lý thông tin, văn bản, tài liệu từ các đơn vị và tổng hợp gửi lên ban lãnh đạo Công ty.
- Chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu, thủ tục công tác cho Ban lãnh đạo.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện công tác PR, quảng bá hình ảnh, chuẩn hóa, kiểm tra và hướng dẫn thực hiện công tác PR trong Công ty.
- Đại diện cho Công ty trong các giao dịch với các cơ quan hữu quan liên quan đến công tác truyền thông của Công ty. Thay mặt Ban lãnh đạo khi được ủy quyền phát ngôn về các nội dung liên quan đến định hướng và chủ trương, chính sách chung của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch và chủ trì về nội dung tổ chức các sự kiện. Đề xuất xây dựng bộ nhận diện thương hiệu, giám sát việc quy chuẩn thương hiệu và đề xuất, tổ chức thực hiện công tác quảng cáo để quảng bá hình ảnh của Công ty trước công chúng.

- Đề xuất và thực hiện công tác tài trợ xã hội đảm bảo hiệu quả cho Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của các cấp có thẩm quyền.

• **Phòng Kế toán – Tài chính:**

Công tác Kế toán:

- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực kế toán hiện hành.
- Phản ánh đầy đủ, trung thực và khách quan các hoạt động nghiệp vụ phù hợp trong quy định chế độ kế toán hiện hành và việc tăng vốn điều lệ, cổ phiếu quỹ, các biến động bất thường.
- Kiểm tra, đối chiếu, xác nhận kết quả hạch toán kinh tế nội bộ và ra thông báo trình Tổng Giám đốc công ty phê duyệt quyết toán tài chính và kế quả thực hiện HTKKT nội bộ ở các Chi nhánh trong nội bộ Công ty.
- Tổ chức kiểm kê tài sản khi kết thúc niên độ kế toán, khi bàn giao sát nhập hoặc chia tách,... kiểm kê định kỳ và kiểm kê đánh giá lại tài sản theo chủ trương của Công ty và chế độ của nhà nước nhằm xác định đầy đủ, chính xác tài sản hiện có tại thời điểm kiểm kê.
- Ghi chép, tính toán theo đúng những quy định về nội dung công tác kế toán và phù hợp với đặc điểm SXKD của Công ty, phản ánh số hiện có tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, quá trình và kết quả hoạt động SXKD và sử dụng kinh phí của Công ty.
- Tổ chức hướng dẫn, phổ biến và quản lý công tác kế toán, tài chính cho các chi nhánh trực thuộc trong toàn Công ty.
- Lập đầy đủ, gửi đúng thời hạn các văn bản theo chế độ báo cáo tài chính, báo cáo thống kê đã được nhà nước quy định và các báo cáo điều tra bất thường của các cơ quan quản lý nhà nước.
- Từng bước áp dụng các phương tiện kỹ thuật tin học tiên tiến trong công tác kế toán, trong công tác quản lý cổ đông phù hợp với đặc điểm SXKD và điều kiện cụ thể của Công ty.
- Tất cả các tài liệu; các chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo kế toán và các tài liệu khác có liên quan đến kế toán và công tác quản lý cổ đông, cổ phần phải được bảo quản chu đáo, an toàn toàn trong quá trình sử dụng và lưu trữ.
- Tài liệu kế toán của mỗi niên độ kế toán phải được phân loại, sắp xếp và đưa vào lưu trữ chậm nhất một tháng sau khi báo cáo quyết toán năm đã được kiểm toán và phải thực hiện đúng quy định về chế độ bảo quản hồ sơ, tài liệu kế toán theo quy định hiện hành của nhà nước về lưu trữ chứng từ kế toán.

Công tác Tài chính:

- Căn cứ kế hoạch đầu tư dài hạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, kế hoạch SXKD hàng năm của Công ty lập kế hoạch tài chính ngắn hạn (hàng tháng, quý và năm); quản lý, chuẩn bị đầy đủ và kịp thời vốn cho đầu tư phát triển dài hạn, kế hoạch SXKD và các

kế hoạch khác. Tham gia cùng các phòng khác xây dựng các định mức kinh tế-kỹ thuật, tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, các định mức lao động.

- Qua công tác kế toán, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch thu, chi tài chính, kỷ luật thu nộp, thanh toán; kiểm tra việc giữ gìn và sử dụng các loại tài sản, vật tư, tiền vốn, kinh phí; phát hiện và ngăn ngừa kịp thời những hành vi lãng phí, vi phạm chính sách chế độ, các quy định về quản lý kinh tế-tài chính của công ty và của Nhà nước.
 - Trên cơ sở các số liệu, tài liệu, tiến hành thống kê, phân tích hoạt động kinh tế -tài chính định kỳ và khi có yêu cầu để tham mưu kịp thời cho lãnh đạo Công ty chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty, đồng thời cung cấp thông tin cho các Phòng nghiệp vụ khác để phối hợp điều hành SXKD trong toàn Công ty.
 - Tham mưu Ban Giám đốc Công ty xây dựng một hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả, bao gồm các quy định, nguyên tắc, thủ tục phải được thiết lập và duy trì nhằm mục tiêu lập và trình bày BCTC như là một phần quan trọng trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.
 - Báo cáo tài chính của Công ty phải được thuyết minh đầy đủ những thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp.
 - Thực hiện chế độ thông tin tài chính theo quy định của pháp luật đối với công ty niêm yết.
- **Đơn vị trực thuộc: Xí nghiệp Cát Thăng Bình:**
 - Tiếp nhận thông tin về sản lượng sản xuất, lập kế hoạch sản xuất bao gồm nguyên vật liệu, tài chính, điều phối nhân lực để triển khai đảm bảo sản xuất được xuyên suốt.
 - Kiểm tra, phân tích thành phần độ hạt, giám sát sản lượng sản xuất và báo cáo kịp thời số liệu, sự cố về chất lượng sản phẩm.
 - Lập dự trù, dự toán mua sắm vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu... đảm bảo sản xuất không bị gián đoạn.
 - Có kế hoạch đảm bảo kho bãi cho nguồn nguyên liệu dự trữ và sản phẩm sản xuất.
 - Tìm kiếm kho bãi dự phòng.
 - Quản lý toàn bộ máy móc thiết bị, nguyên liệu, hàng hóa thành phẩm, sản phẩm dở dang... Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của máy móc thiết bị, phát hiện những hư hỏng để xử lý kịp thời.
 - Tổ chức sản xuất an toàn, an toàn lao động, sắp xếp nơi làm việc sạch sẽ, ngăn nắp, khoa học, vệ sinh.
 - Đề xuất tuyển dụng, điều chuyển, khen thưởng, kỷ luật lao động.
- 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông**
- 4.1 Thông tin về cổ đông sáng lập**

Không có

4.2 Thông tin về cổ đông lớn

Bảng 2: Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của MIC tại ngày 26/09/2024

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/Số ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (%)
1	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư Việt Phương	Số 2 Trần Thánh Tông, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	0100237852	1.417.330	25,56%
2	Công ty Cổ phần VP Silica	Số 105 Chu Văn An, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, TP Hà Nội	3301321637	1.366.025	24,64%
3	Nguyễn Bá Phong	Số 2 Trần Thánh Tông, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	011905013	586.900	10,58%
4	Lê Tuấn Điệp	Xã Dung Nghĩa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình	034085001313	342.855	6,18%

Nguồn: Danh sách cổ đông của MIC do VSD cung cấp tại ngày 26/09/2024

4.3 Cơ cấu cổ đông

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại ngày 26/09/2024

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần (CP)	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	601	5.462.398	54.773.980.000	98,51%
1	Tổ chức	15	3.257.170	32.874.950.000	58,36%
2	Cá nhân	586	2.205.228	22.052.280.000	40,15%
II	Cổ đông nước ngoài	21	52.223	372.230.000	0,94%
1	Tổ chức	01	4.115	41.150.000	0,07%
2	Cá nhân	20	48.108	481.080.000	0,87%
III	Cổ phiếu quỹ	01	30.325	303.250.000	0,55%
	Tổng cộng	623	5.544.946	55.449.460.000	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông của MIC do VSD cung cấp tại ngày 26/09/2024

5. **Danh sách công ty mẹ và các công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết**

5.1. *Công ty mẹ của MIC:* Không có.

5.2. *Các công ty con của MIC*

CÔNG TY TNHH MTV TRÀNG THẠCH ĐẠI LỘC

- Giấy chứng nhận ĐKKD số 4000835535 do Phòng đăng ký kinh doanh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 16/12/2011. Thay đổi lần thứ 4 ngày 13/07/2024.
- Trụ sở: Xã Đại Đồng, Đại Lộc, Quảng Nam.
- Điện thoại: +84 (235) 3846935.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Cụ thể: Khai thác, chế biến và kinh doanh bột tràng thạch, bột phong hóa từ quặng felspat.
- Vốn điều lệ đăng ký: 10.150.000.000 VNĐ.
- Vốn điều lệ thực góp: 10.150.000.000 VNĐ.
- Vốn góp của MIC: 10.150.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ sở hữu của MIC tại công ty: 100%.

5.3. *Công ty liên doanh, liên kết, các đơn vị góp vốn khác của MIC*

Không có.

5.4. *Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với MIC*

Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 *Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm*

a) **Sản phẩm và dịch vụ chính**

Hoạt động sản xuất – chế biến

MIC là đơn vị khai thác và chế biến cát lâu năm tại địa bàn tỉnh Quảng Nam. Sản phẩm cát chế biến của Công ty bao gồm cát trắng tuyển và cát trắng sấy.

Cát trắng tuyển của MIC có nguyên liệu đầu vào là cát thạch anh thô, sau khi được khai thác sẽ cần trải qua quá trình chế biến bao gồm 3 công đoạn để có được thành phẩm là sản phẩm cát tuyển. 3 công đoạn chế biến cát trắng bao gồm:

- Rửa: Là quá trình tách loại các tạp chất hữu cơ, sỏi sạn, các hạt lớn hơn 1,2mm và cấp hạt mịn (- 0.075 mm) ra khỏi cát. Cát qua rửa sẽ giảm tối đa lượng sét, cao lanh, chất lữu cơ và các hạt cát siêu mịn dính bám.
- Phân loại: Là quá trình phân chia cỡ hạt cát nguyên khai dựa trên các công đoạn sàng quay cho ra các sản phẩm cát theo bộ tiêu chuẩn cơ sở và tiêu chuẩn phân bố độ hạt cát tinh khiết của từng mục đích sử dụng (dùng để chế biến kính, pha lê, thủy tinh ..)

- Tuyền: là quá trình tách loại khoáng vật nặng có chứa sắt thông qua hệ thống thiết bị vít xoắn tuyền trọng lực.

Cát trắng sấy là sản phẩm sấy khô từ cát trắng tuyền, là nguyên liệu cho việc sản xuất sản phẩm cát bọc nhựa và là nguyên liệu làm khuôn đúc các chi tiết máy móc công nghiệp.

Bột Silica được nghiền mịn từ nguyên liệu là cát trắng tuyền hoặc cát trắng sấy tùy vào mục đích sản xuất của khách hàng. Bột Silica là nguyên liệu cho một số ngành sản xuất gốm sứ, vật liệu xây dựng và chế tạo sơn.

Hiện MIC đang khai thác cát từ mỏ cát Hương An, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam theo Giấy phép khai thác mỏ số 103/QĐ-CNCL ngày 13/11/1995 và Quyết định số 993/QĐ-BTNMT ngày 28/07/2006 của Bộ Tài nguyên Môi trường, được điều chỉnh bởi Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 26/09/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam. Diện tích khai thác mỏ: 157ha với trữ lượng 3,4 triệu tấn cát trắng, công suất khai thác: 300.000 tấn cát/năm. Việc khai thác và sản xuất cát của MIC do đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp cát Thăng Bình thực hiện.

Hình ảnh một số sản phẩm cát chế biến chủ yếu của Công ty:



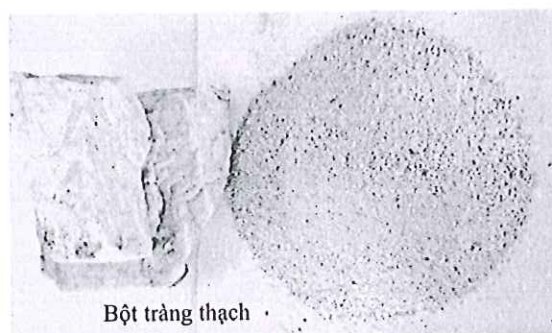
Sản phẩm Cát trắng Silica (Cát trắng chế biến) của MINCO được sản xuất từ cát thạch anh chất lượng cao, đang được sử dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp sau:

- Sản xuất kính nổi, kính xây dựng
- Sản xuất bao bì thủy tinh
- Sản xuất kính phủ tấm pin năng lượng mặt trời
- Làm khuôn đúc
- Sản xuất thủy tinh lỏng

Bột Silica được sản xuất từ cát thạch anh chất lượng cao, đang được sử dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp sau:

- Gốm sứ.
- Sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp
- Chế tạo sơn.
- Chế tạo nông dược.
- Chất tẩy, hút ẩm, khử mùi...
- Sử dụng trong các lĩnh vực hóa chất

Công ty con của MIC là Công ty TNHH Tràng Thạch Đại Lộc là đơn vị khai thác và sản xuất Bột Tràng Thạch (là nguyên liệu cho ngành sản xuất gạch men, gốm sứ) tại mỏ Felspat – huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1995/QĐ-QLTN ngày 20/07/1996 và Quyết định số 995/QĐ-BTNMT ngày 28/07/2006 của Bộ Tài nguyên Môi trường. Diện tích khai thác mỏ: 24,38ha với trữ lượng khai thác là 180.000 tấn quặng felspat, công suất khai thác: 15.000 tấn quặng



Bột tràng thạch

felspat/năm. Năm 2022, giấy phép khai thác mỏ đã hết hạn và Công ty đã thực hiện nộp các thủ tục thăm dò nâng cấp trữ lượng đến Hội đồng đánh giá trữ lượng quốc gia để phê chuẩn. Trình tự, thời gian đánh giá, phê duyệt hồ sơ căn cứ theo quy định pháp luật. Năm 2023, hồ sơ xin phê duyệt nâng cấp trữ lượng mỏ của Công ty đã được Hội đồng đánh giá trữ lượng mỏ Quốc Gia phê duyệt với trữ lượng khai thác là 550.000 tấn. Công ty Trảng Thạch Đại Lộc tiếp tục nộp các thủ tục xin cấp phép khai thác lên Bộ Tài Nguyên và Môi trường trong tháng 4/2023. Từ đầu năm 2024 đến nay, các hoạt động của Công ty tạm dừng để chờ giấy phép khai thác mới.

Dịch vụ

Ngoài việc khai thác, cung cấp sản phẩm cát trắng chế biến, bột Silica và bột Trảng thạch, MIC còn cung cấp 2 loại dịch vụ sau:

- Dịch vụ bốc xếp, vận chuyển sản phẩm đến kho nguyên liệu do khách hàng chỉ định: Dịch vụ này được MIC đưa vào cung cấp kể từ năm 2021. Đối với dịch vụ này, Công ty sẽ thuê bên thứ 3 vận chuyển và kiểm soát chất lượng sản phẩm đến địa điểm giao hàng do bên mua chỉ định cụ thể trong hợp đồng.
- Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, văn phòng: MIC cho thuê nhà xưởng, văn phòng tại trụ sở Công ty mẹ. Trong giấy phép kinh doanh Công ty được phép hoạt động cho thuê văn phòng, nhà xưởng (kinh doanh bất động sản), diện tích cho thuê văn phòng: 70 m², kho và nhà xưởng: 504 m². Đơn vị thuê là đối tác lâu năm của MIC, tiền thuê được trả định kỳ theo quy định của hợp đồng. Việc thanh toán chi phí thuê được các đối tác thực hiện đúng hạn.

b) Sản lượng sản phẩm chính – Hợp nhất

Sản phẩm	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/Giảm so với năm 2022		9T/2024
				Giá trị	%	
Cát trắng tuyển	Tấn	244.392,32	277.186,12	32.793,80	13,4%	243.452,08
Cát trắng sấy	Tấn	299,70	78,00	(221,70)	(74,0%)	140,00
Bột Silica	Tấn	1.737,15	2.966,08	1.228,93	70,7%	1.038,00
Bột trảng thạch, bột phong hóa	Tấn	4.743,525	-	(4.743,53)	(100,0%)	-

Nguồn: MIC

Năm 2023, sản lượng cát trắng tuyển của MIC đạt 277,2 nghìn tấn, tăng 13,4% so với sản lượng khai thác năm 2022. Mặt hàng cát trắng tuyển được Công ty chú trọng khai thác và sản xuất từ năm 2021 với sản lượng ổn định trên 200.000 tấn/năm. Đây cũng là mặt hàng chính của MIC với chất lượng cao, có nhu cầu tiêu thụ lớn trên thị trường.

Trong năm 2023, MIC giảm dần việc sản xuất mặt hàng cát trắng sấy do chi phí giá vốn cao và giá trị lợi nhuận không hiệu quả. Sản lượng cát trắng sấy năm 2023 của MIC đạt 78 tấn, giảm hơn 74% so với sản lượng khai thác năm 2022.

Cùng với việc chú trọng phát triển mặt hàng cát trắng tuyển, Công ty cũng đẩy mạnh dần việc sản xuất bột Silica để đáp ứng nhu cầu gia tăng của thị trường trong năm 2023 với sản lượng

năm 2023 đạt gần 3.000 tấn, tăng 70% so với năm 2022.

Bột tràng thạch, Bột phong hóa là sản phẩm do công ty con của MIC là Công ty TNHH Tràng Thạch Đại Lộc khai thác từ mỏ fenspat và chế biến để cung cấp cho khách hàng. Giấy phép khai thác mỏ fenspat đã hết hiệu lực năm 2019, tuy nhiên do công suất khai thác lớn (15.000 tấn/năm) và khai thác liên tục trong nhiều năm trước, công ty con này đã tiếp tục sử dụng hàng tồn kho là đá đã khai thác, chế biến thành bột tràng thạch, bột phong hóa cung cấp cho khách hàng từ năm 2019 đến hết 2022. Từ năm 2023 đến nay, các hoạt động của công ty con này tạm dừng để chờ giấy phép khai thác mới.

Thị trường cho mặt hàng cát trắng chế biến của Công ty bao gồm bán nội địa và xuất khẩu, cơ cấu sản lượng tiêu thụ như sau:

Sản lượng	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/Giảm năm 2023 so với năm 2022		9T/2024
				Giá trị	Tỷ lệ	
Xuất khẩu	tấn	100.325,00	40.130,00	(60.195,00)	(60,1%)	28.150,00
Nội địa	tấn	144.067,318	237.056,12	92.988,80	64,5%	215.302,08
Tổng Cộng		244.392,318	277.186,12	32.793,80	13,4%	243.452,08

Nguồn: Minco

Năm 2022, Công ty đẩy mạnh việc tiêu thụ cát trắng chế biến tại nước ngoài, do ký được một số hợp đồng lớn với các đối tác nước ngoài. Tuy nhiên, sang năm 2023, nhận thấy mức thuế xuất khẩu khá lớn, Công ty đã thay đổi chính sách bán hàng, nghiêng dần tỷ trọng tiêu thụ mặt hàng này tại nội địa, phần lớn thông qua bên liên quan là Công ty cổ phần VP Silica, vốn đã có mạng lưới khách hàng rộng khắp Việt Nam. Sản lượng cát chế biến xuất khẩu năm 2023 đạt 40,1 nghìn tấn, giảm 60,1 nghìn tấn so với năm 2022, tương ứng giảm hơn 60%. Sản lượng cung cấp nội địa năm 2023 đạt gần 237,1 nghìn tấn, tăng gần 93 nghìn tấn so với năm 2022, tương ứng tăng 64,5%.

c) Cơ cấu doanh thu – lợi nhuận sản phẩm, dịch vụ

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu các mảng hoạt động của MIC – Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Sản phẩm/ Dịch vụ	Năm 2022		Năm 2023		%tăng/giảm 2023 so với năm 2022		9T/ 2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%	
Bán hàng xuất khẩu	56.183	37,9%	23.514	13,0%	(32.669)	(58,1%)	18.123
- cát trắng tuyển	56.183	37,9%	23.514	13,0%	(32.669)	(58,1%)	18.123
Bán hàng nội địa	65.590	44,2%	113.882	63,1%	48.293	73,6%	105.975

- cát trắng tuyển	62.454	42,1%	106.905	59,3%	44.451	71,2%	103.897
- cát trắng sấy	243	0,2%	64	0,04%	(179)	(73,8%)	116
- bột silica	2.893	2,0%	6.914	3,8%	4.021	139,0%	1.962
DV vận chuyển cát và DV khác	26.504	17,9%	43.020	23,8%	16.515	62,3%	43.822
Tổng cộng	148.277	100,0%	180.416	100,0%	32.139	21,7%	167.920

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán; BCTC 9T/2024 tự lập của MIC

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu các mặt hàng của MIC – Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Sản phẩm/ Dịch vụ	Năm 2022		Năm 2023		%tăng/giảm 2023 so với năm 2022		9T/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%	
Bán hàng xuất khẩu	56.183	37,4%	23.514	13,0%	(32.669)	(58,1%)	18.123
- cát trắng tuyển	56.183	37,4%	23.514	13,0%	(32.669)	(58,1%)	18.122
Bán hàng nội địa	67.494	45,0%	113.882	63,1%	46.388	68,7%	105.975
- cát trắng tuyển	62.454	41,6%	106.905	59,3%	44.451	71,2%	103.897
- cát trắng sấy	243	0,2%	64	0,0%	(179)	(73,8%)	116
- bột silica	2.893	1,9%	6.914	3,8%	4.021	139,0%	1.962
- bột tràng thạch, bột phong hóa	1.905	1,3%	-	0,0%	-	-	-
DV vận chuyển cát và DV khác	26.434	17,6%	43.020	23,8%	16.585	62,7%	43.822
Tổng cộng	150.111	100,0%	180.416	100,0%	30.305	20,2%	167.920

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán; BCTC HN 9T/2024 tự lập của MIC

Tổng doanh thu hợp nhất năm 2023 đạt 180,4 tỷ đồng, tăng 30,3 tỷ đồng so với năm 2022, tương ứng tăng 20,2%; trong đó 100% cơ cấu doanh thu Hợp nhất là từ Công ty mẹ. Từ năm 2023 đến nay, Công ty con của MIC (chuyên khai thác và sản xuất Bột tràng hạt, bột phân hóa từ mỏ felspat) đã dừng hoạt động để chờ được cấp giấy phép khai thác mỏ mới.

Với mặt hàng cát trắng tuyển, trong năm 2023, Công ty đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm với các đối tác nội địa, đặc biệt qua cổ đông lớn là Công ty cổ phần VP Silica (VPS). Với mạng lưới khách hàng lớn trong và ngoài nước của VPS, việc đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm qua đối tác này giúp đảm bảo doanh thu nội địa và xuất khẩu năm 2023 đạt 130,4 tỷ đồng, tăng 11,9 tỷ đồng,

tương ứng tăng 10% so với năm 2022. Việc tăng trưởng doanh thu mặt hàng này tương đồng với việc tăng sản lượng cung cấp cát trắng tuyển trong và ngoài nước của Công ty (Sản lượng cát trắng năm 2023 tăng 13% so với năm 2022 theo số liệu tại Bảng cơ cấu sản lượng cát trắng tiêu thụ nêu trên). Giá bán cát trắng tuyển có sự tăng nhẹ trong năm 2023 ở mức bình quân 4%, được đánh giá ở mức tương đồng so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Với mặt hàng cát trắng sấy và bột silica, kể từ năm 2022, MIC chỉ duy trì một số khách hàng truyền thống do hiệu quả kinh doanh không cao và thị trường chung có sự chuyển dịch nhu cầu với các mặt hàng cao cấp hơn. Do đó, các mặt hàng này không có tăng trưởng nhiều về sản lượng cung cấp trong năm 2022-2023, mà phụ thuộc hoàn toàn vào việc đặt hàng của đối tác. Doanh thu bán cát trắng sấy năm 2023 đạt 64 triệu đồng, giảm gần 179 triệu đồng so với năm 2022 (tương ứng giảm 73,8%). Sản lượng cung cấp Bột Silica năm 2023 tăng so với năm 2022 là 70%, dẫn đến doanh thu cung cấp Bột Silica năm 2023 đạt 6,9 tỷ đồng, tăng 4 tỷ đồng so với năm 2022, tương ứng tăng 139%.

Đối với dịch vụ vận chuyển cát, từ năm 2022, Công ty đã thay đổi chính sách bán hàng, thay vì bán tại kho của MIC, Công ty cung cấp dịch vụ bốc xếp và vận chuyển sản phẩm đến tận kho bán thành phẩm của khách hàng, hoặc địa điểm kho do khách hàng chỉ định. Việc thay đổi chính sách bán hàng này giúp MIC gia tăng giá trị doanh thu, tạo sự thuận tiện trong việc quản lý sản lượng, giá trị cung cấp cho khách hàng. Doanh thu dịch vụ hợp nhất năm 2023 của Công ty đạt 43 tỷ đồng, tăng 16,5 tỷ đồng so với năm 2022, tương ứng tăng 62,7%. Bên cạnh đó, doanh thu từ dịch vụ cho thuê nhà xưởng, văn phòng vẫn duy trì ở mức ổn định khoảng 400 triệu đồng/năm.

Kết thúc Quý 3/2024, sản lượng tiêu thụ cát trắng tuyển trong và ngoài nước đạt 243,5 nghìn tấn, tăng gần 2% so với cùng kỳ năm 2023, đồng thời, giá bán cát tuyển bình quân 9 tháng năm 2024 tăng 7% so với năm 2023 dẫn đến doanh thu 9 tháng đầu năm 2024 đạt 167,9 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2023. Trong khi đó, sản lượng cát trắng sấy lũy kế Quý 3/2024 đạt 140 nghìn tấn, tăng 192% so với cùng kỳ năm 2023, dẫn đến doanh thu mặt hàng này đạt 116 tỷ đồng, tăng 52 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023, tương ứng tăng 81,2% (giá bán mặt hàng này được duy trì tương đối ổn định qua các năm). Đối với Bột Silica, sản lượng 9 tháng đầu năm đạt 1 nghìn tấn, giảm hơn 39,5% so với cùng kỳ, do nhu cầu đối với mặt hàng trong năm 2024 có suy giảm, do đó, mặc dù giá bán tăng gần 11% với năm 2023, doanh thu 9 tháng năm 2024 của mặt hàng này chỉ đạt gần 2 tỷ đồng, giảm gần 29% so với cùng kỳ năm 2023.

Cơ cấu doanh thu của Công ty với bên liên quan:

Trong năm 2022 – 2023, MIC có phát sinh giao dịch bán hàng chủ yếu với bên liên quan là Công ty CP VP Silica với giá trị doanh thu, lợi nhuận như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		9T/2024	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Doanh thu từ bán hàng	30.755	20,7%	102.626	56,9%	81.838	48,7%
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	13.939	9,4%	2.048	1,1%	29.789	17,7%
Sản lượng (tấn)	53.766,03		149.727,39		162.255,884	

Nguồn: MIC

Trong năm 2023, MIC đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm cát trắng tuyển thông qua Công ty cổ phần VP Silica, khiến doanh thu đến cổ đông lớn này tăng mạnh, chiếm 56,9% giá trị doanh thu thuần của MIC. Do mạng lưới khách hàng của VPS lớn, việc cung cấp này được MIC đánh giá là lâu dài, ổn định, đảm bảo được doanh thu thường xuyên cho Công ty. Giá bán đối với bên liên quan tương đối đồng đều với các đối tác khác của Công ty.

Trước thời điểm 2020, Doanh thu lợi nhuận của Minco ở tình trạng rất kém với biên lợi nhuận thấp và thị trường ở các phân khúc thấp là thị trường Kính xây dựng và chai lọ thủy tinh thông thường. Sau 2020, với sự tham gia của đối tác chiến lược là Công ty cổ phần VP Silica – thành viên thuộc hệ thống Tập đoàn Việt Phương, với thế mạnh là khai thác khoáng sản, Minco đã tập trung thực hiện tái cấu trúc các mảng hoạt động bao gồm: Đầu tư, bán hàng, nhân sự, tài chính. Nhờ tiền đề vững chắc từ việc tái cấu trúc, đồng thời với hệ thống khách hàng của VP Silica nói riêng, tập đoàn Việt Phương nói chung, Minco dần chuyển dịch cơ cấu sản xuất và định hướng thị trường, tập trung sản xuất các sản phẩm cao cấp hơn cho ngành kính năng lượng mặt trời, Len hiển thị và vật liệu cho ngành kính Display, là những ngành tiềm năng của thị trường với giá trị Biên lợi nhuận cao.

Công ty cổ phần VP Silica là cổ đông lớn, đối tác chiến lược của Minco với nhiều năm kinh nghiệm quản lý và làm việc với các đối tác trong và ngoài nước. VPS có lợi thế lớn trong công tác đàm phán và điều phối hàng hoá trong toàn ngành Silica với quy mô trung bình và ổn định khoảng 1 triệu tấn/năm. Đây là lợi thế rất lớn cho Minco khi khai thác khách hàng thông qua VPS do 100% sản lượng sản xuất của Minco với các phân khúc chất lượng cao được đảm bảo để ổn định đầu ra, do đó, đảm bảo doanh thu và dòng tiền đều đặn cho Minco trong các năm tới.

6.2 Nguyên vật liệu

- **Nguồn nguyên vật liệu:**

- **Sự ổn định của các nguồn cung cấp này:**

+ Nguồn nguyên vật liệu chính của Công ty bao gồm cát trắng nguyên khai và nhiên liệu đầu vào (xăng, dầu, nước vận hành). Đối với nguyên liệu cát trắng, tháng 1/2024, Công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép Mỏ ổn định công suất 300.000 tấn/năm với thời gian khai thác đến 15 năm. Do đó, nguồn nguyên liệu chính này được đánh giá có tính ổn định cao. Các nguồn nguyên vật liệu khác chủ yếu gồm: xăng dầu, nước đều được cung cấp ổn định bởi các nhà cung cấp tại địa phương và hoạt động sử dụng nước ngầm được cấp phép đầy đủ. Như vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có tính ổn định cao về nguồn nguyên vật liệu đầu vào. Mặt khác, nguồn nguyên liệu xăng dầu phụ thuộc vào chính sách điều hành giá của Bộ Công thương, trong giai đoạn năm 2022 – 2023, là thời gian xảy ra chiến tranh Nga – Ukraine, đã khiến giá xăng dầu tăng mạnh dẫn đến những ảnh hưởng tiêu cực đến giá vốn sản xuất của Công ty MIC. Tuy nhiên, từ cuối năm 2023, giá xăng dầu đã giảm đáng kể cộng với chính sách điều hành giá và giảm thuế phí của Quốc Hội được triển khai quyết liệt nên sự ảnh hưởng đến giá vốn sản xuất của Công ty MIC là không lớn. Về lâu dài, đây vẫn là nhân tố ảnh hưởng đến giá vốn sản xuất của Công ty MIC vì phần lớn xăng dầu trong nước vẫn phải qua nhập khẩu vốn chịu ảnh hưởng chung bởi xu hướng của thế giới.

+ Đối với nguyên liệu sản xuất của công ty con là quặng felspat, Giấy phép khai thác mỏ đã hết hạn và Công ty đã thực hiện nộp các thủ tục thăm dò nâng cấp trữ lượng đến Hội đồng đánh giá trữ lượng quốc gia để phê chuẩn trong năm 2022. Đến nay, hồ sơ xin phê duyệt nâng cấp trữ lượng mở của Công ty đã được Hội đồng đánh giá trữ lượng mỏ Quốc Gia phê duyệt với trữ lượng khai thác là 550.000 tấn/năm. Công ty Tràng Thạch Đại Lộc tiếp tục nộp các thủ tục xin cấp phép khai thác lên Bộ Tài Nguyên và Môi trường trong tháng 4/2023 và dự kiến sẽ được cấp giấy phép khai thác trong năm 2025. Khi đó, nguồn cung cấp nguyên liệu cho hoạt động của công ty con được đánh giá là ổn định.

- **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:** Do tính chất đặc thù ngành, các chi phí hình thành giá vốn từ nguyên vật liệu cát bao gồm các loại thuế phí, nguồn nước đều được cố định bởi các quyết định của Chính phủ. Do đó, Công ty MIC luôn tính toán đúng đủ giá vốn sản xuất để từ đó điều hành ngược lại giá bán. Khác biệt chỉ xảy ra đối với biến động về xăng dầu.

6.3 Chi phí sản xuất

Bảng 6: Chi phí sản xuất kinh doanh của MIC – Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi phí	Năm 2022		Năm 2023		% tăng/ giảm so với năm 2022		9T/2024
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%	
Giá vốn hàng bán	100.408	67,7%	137.627	76,3%	37.219	37,1%	131.643
Chi phí tài chính	3.528	2,4%	5.493	3,0%	1.965	55,7%	5.333
Chi phí bán hàng	9.969	6,7%	4.620	2,6%	(5.349)	(53,7%)	3.548
Chi phí quản lý DN	16.009	10,8%	16.952	9,4%	943	5,9%	14.441
Chi phí khác	5.043	3,4%	1.567	0,9%	(3.476)	(68,9%)	393
Tổng cộng	134.957	91,0%	166.259	92,2%	31.302	23,2%	155.358

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán; BCTC riêng 9T/2024 tự lập của MIC

Bảng 7: Chi phí sản xuất kinh doanh của MIC – Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi phí	Năm 2022		Năm 2023		% tăng/ giảm so với năm 2022		9T/2024
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%	
Giá vốn hàng bán	103.136	68,7%	137.431	76,2%	34.295	33,3%	131.643
Chi phí tài chính	2.076	1,4%	3.150	1,7%	1.074	51,7%	2.808

Chi phí bán hàng	9.969	6,6%	4.868	2,7%	(5.101)	(51,2%)	3.548
Chi phí quản lý DN	16.972	11,3%	17.504	9,7%	532	3,1%	16.991
Chi phí khác	5.101	3,4%	3.264	1,8%	(1.837)	(36,0%)	393
Tổng cộng	137.254	91,4%	166.217	92,1%	28.963	21,1%	155.383

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán; BCTC HN 9T/2024 tự lập của MIC

Tổng chi phí hợp nhất năm 2023 của MIC là 166,2 tỷ đồng, tăng gần 29 tỷ đồng so với năm 2022, tương ứng tăng 21,1%.

Trong tổng chi phí năm 2023, giá vốn hàng bán là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất với tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần năm 2023 là 76,2%. Các chi phí khác có tỷ trọng nhỏ hơn như chi phí Quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần là 9,7%, chi phí bán hàng trên doanh thu thuần là 2,7%, chi phí khác là 1,8%.

Năm 2023, do sản lượng khai thác và cung cấp cát trắng và đa số các sản phẩm còn lại đều có tăng so với năm 2022, ngoại trừ Cát trắng sấy và Bột trắng thạch (sản lượng cung cấp cát trắng tuyển tăng 13,4%, cát trắng sấy giảm 74%, Bột Silica tăng 70,3%, Bột trắng thạch dùng cung cấp), dẫn đến giá vốn hàng bán Hợp nhất năm 2023 là 137,4 tỷ đồng, tăng 34,2 tỷ đồng so với năm 2022, tương ứng giảm 37,1%.

Chi phí QLDN năm 2023 là 17,5 tỷ đồng tăng nhẹ 0,5 tỷ đồng so với năm 2022, tương ứng tăng 3,1% chủ yếu do chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 1,1 tỷ đồng so với năm 2022. Đây là các khoản chi phí liên quan đến quản trị doanh nghiệp, bao gồm sửa chữa, tiếp khách, hội nghị, chi phí kiểm toán, công tác phí ...

Chi phí bán hàng năm 2023 giảm mạnh so với năm 2022 là 5,1 tỷ đồng, tương ứng giảm 51,2% chủ yếu do việc giảm mạnh các chi phí liên quan đến chi phí xuất khẩu cát chế biến MIC như chi phí vận chuyển, bốc xếp từ kho chế biến đến cảng xuất. Do sản lượng cát trắng xuất khẩu năm 2023 giảm mạnh gần 60% so với năm 2022, chi phí bán hàng cũng giảm tương ứng.

Chi phí tài chính chủ yếu là các chi phí lãi vay của các Hợp đồng tín dụng ký với các Ngân hàng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với giá trị năm 2023 là 3,1 tỷ đồng, tăng 1,2 tỷ đồng so với năm 2022, tương ứng tăng 63,2%.

Chi phí khác của Công ty năm 2023 chủ yếu là chi phí đóng các khoản chậm nộp thuế và bảo hiểm xã hội với giá trị 2,8 tỷ đồng, tăng gần 1,8 tỷ đồng so với năm 2022 có giá trị gần 1 tỷ đồng.

9 tháng đầu năm 2024, tổng chi phí hoạt động của Công ty là 155 tỷ đồng, tăng 18,5% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, Giá vốn hàng bán là 131,6 tỷ đồng, tương ứng tăng 18,4% so với cùng kỳ năm 2023, chủ yếu do sản lượng cung cấp của các mặt hàng tăng trung bình 10% so với cùng kỳ năm 2023 (trừ mặt hàng Bột Silica do nhu cầu thị trường giảm). Chi phí QLDN là 16,9 tỷ đồng, tăng gần 3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023, tương ứng tăng 21,1%, chủ yếu do tăng các chi phí QLDN khác như: chi phí tiếp khách, chi phí du lịch, chế độ cho CBNV, quảng cáo ... Chi phí lãi vay là 2,8 tỷ đồng, tăng 800 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2023, tương ứng tăng 40%. Hai chi phí có sự giảm trong 9 tháng đầu năm là chi phí bán hàng và chi phí khác. Cụ thể, chi phí bán

hàng là 3,5 tỷ đồng, giảm 15,1%, tương ứng với việc sản lượng cát trắng xuất khẩu giảm so với cùng kỳ năm 2023. Chi phí khác là 393 triệu đồng, giảm hơn 2,1 tỷ đồng so với cùng kỳ, do Công ty đã thanh toán hầu hết các khoản chậm nộp thuế và bảo hiểm tương ứng.

Hiện nay, ban lãnh đạo MIC vẫn luôn tìm cách giảm thiểu và kiểm soát các chi phí trong sản xuất và điều hành doanh nghiệp để các loại chi phí sản xuất kinh doanh của MIC tương đồng với các doanh nghiệp khác cùng ngành, đồng thời gia tăng giá trị doanh thu cho Công ty.

Cơ cấu lợi nhuận gộp

Bảng 8: Lợi nhuận gộp Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Tăng/giảm 2023 so với năm 2022		9T/2024
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%	
Bán hàng xuất khẩu	25.531	17,2%	12.205	6,8%	(13.326)	(52,2%)	8.081
- cát trắng tuyển	25.531	17,2%	12.205	6,8%	(13.326)	(52,2%)	8.081
Bán hàng nội địa	19.988	13,5%	23.021	12,8%	3.033	15,2%	28.418
- cát trắng tuyển	19.797	13,4%	21.942	12,2%	2.146	10,8%	27.089
- cát trắng sấy	(9)	-	(9)	-	-	-	37
- bột silica	201	0,1%	1.088	0,6%	887	440,8%	(374)
DV vận chuyển cát và DV khác	2.349	1,6%	7.562	4,2%	5.214	222,0%	1.668
Tổng Cộng	47.868	32,3%	42.789	23,7%	(5.080)	(10,6%)	36.499
Dự phòng giảm giá tồn kho	-	-	-	-	-	-	(222)
LNG	47.868	32,3%	42.789	23,7%	(5.080)	(10,6%)	36.277

Nguồn: MIC

Bảng 9: Lợi nhuận gộp Hợp nhất

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Tăng/giảm 2023 so với năm 2022		9T/2024
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%	
Bán hàng xuất khẩu	25.531	17,0%	12.205	6,8%	(13.326)	(52,2%)	8.081
- cát trắng tuyển	25.531	17,0%	12.205	6,8%	(13.326)	(52,2%)	8.081
Bán hàng nội địa	19.391	12,9%	23.217	12,9%	3.826	19,7%	28.963
- cát trắng tuyển	19.797	13,2%	22.138	12,3%	2.341	11,8%	27.089
- cát trắng sấy	(9)	-	(9)	-	-	-	37
- bột silica	201	0,1%	1.088	0,6%	887	440,8%	(374)

- bột tràng thạch, bột phong hóa	(598)	-	-	-	598	100,0%	-
DV vận chuyển cát và DV khác	2.053	1,4%	7.562	4,2%	5.509	268,4%	2.212
Tổng Cộng	46.975	31,3%	42.985	23,8%	(3.990)	(8,5%)	37.043
Dự phòng giảm giá tồn kho	-	-	-	-	-	-	(767)
LNG	46.975	31,3%	42.985	23,8%	(3.990)	(8,5%)	36.277

Nguồn: MIC

Lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty năm 2023 là 42,9 tỷ đồng, giảm 3,9 tỷ đồng so với năm 2022, tương ứng giảm 8,5%. Tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu của Công ty năm 2023 là giảm 7,5% so với năm 2022 (tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu năm 2022 là 31,3%).

Lợi nhuận gộp mặt hàng cát trắng tuyển năm 2023 là 34,3 tỷ đồng, giảm 40% so với năm 2022 do Công ty giảm mạnh 60% sản lượng tiêu thụ cát trắng xuất khẩu. Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu thuần của cát trắng tuyển xuất khẩu thường cao hơn cung cấp nội địa, do đó, mặc dù đẩy mạnh tỷ lệ tiêu thụ nội địa, tỷ suất LN gộp tiêu thụ nội địa vẫn chưa bù đắp được cho phần xuất khẩu, dẫn đến Lợi nhuận gộp mặt hàng này giảm 10 tỷ đồng, tương ứng giảm 32,5% so với năm 2022. Bên cạnh đó, giá vốn hàng bán của mặt hàng này nội địa trong năm 2023 chưa thực sự ổn định, vẫn cao hơn so với mức kỳ vọng của Ban lãnh đạo Công ty. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng trong năm 2024 và các năm tới, việc tập trung sản xuất khai thác nội địa sẽ có nhiều thuận lợi và ổn định hơn so với xuất khẩu, tỷ suất LNG sẽ dần ổn định và duy trì quanh mức 30% qua các năm.

Lợi nhuận gộp từ mảng sản xuất cát trắng sấy năm 2023 là âm 9 triệu đồng. Trong năm 2023, Công ty giảm sản lượng sản xuất sản phẩm này theo đơn đặt hàng của đối tác, trong khi đó, các chi phí đầu vào (xăng, dầu, năng lượng) tăng cao, đồng thời nhận phân bổ khấu hao tài sản cố định (do trong năm MIC đầu tư nâng cấp tài sản cố định cho quá trình khai thác và chế biến cát), dẫn đến chi phí giá vốn của mặt hàng này cao hơn doanh thu đem lại.

Đối với sản phẩm Bột Silica, sản lượng khai thác năm 2023 tăng 70% so với năm 2022, đồng thời chi phí giá vốn phân bổ cho mặt hàng này không nhiều (do đã phân bổ chủ yếu lên sản phẩm cát tuyển và cát sấy) dẫn đến lợi nhuận gộp đạt 1 tỷ đồng, tăng mạnh so với năm 2022 (giá trị lợi nhuận gộp năm 2022 là 201 triệu đồng).

Về lợi nhuận gộp 9 tháng năm 2024, lợi nhuận gộp từ cát trắng tuyển là 35 tỷ đồng, giảm 2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023, tương ứng giảm 5%, chủ yếu do sản lượng xuất khẩu giảm. Ngược lại, Lợi nhuận gộp cát trắng sấy đạt 37 tỷ đồng, tăng hơn 41 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023, chủ yếu do sản lượng tăng mạnh. Đối với Bột Silica, do sản lượng giảm mạnh so với cùng kỳ 2023 (40%) và giá vốn phân bổ lên mặt hàng này vẫn có, lợi nhuận gộp âm 374 triệu đồng, tương ứng giảm gần 209% so với cùng kỳ năm 2023.

6.4 Trình độ công nghệ

Công ty sử dụng chủ yếu các máy móc thiết bị chuyên dụng để khai thác và chế biến cát. Hiện nay các dây chuyền chế biến của Công ty ở mức hiện đại trung bình so với các đơn vị khác.

Trong năm 2023-2024, Công ty cũng dần hoàn thiện nâng cấp dây chuyền sản xuất đáp ứng sản lượng khai thác 300.000 tấn/năm.

Để đảm bảo việc cung cấp sản phẩm chất lượng, Công ty thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị sản xuất; đồng thời tìm hiểu các công nghệ chế biến hiện đại khác trên thế giới để đưa vào áp dụng tại Công ty.

6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

MIC luôn đặt trọng tâm vào việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của MIC được phòng Công nghệ thực hiện dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng giám đốc và sự phối hợp của các phòng ban liên quan. Năm 2023, Công ty đã thành công nghiên cứu phát triển và sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cát F80 với hàm lượng sắt ít để đáp ứng nhu cầu gia tăng của thị trường với các nguồn nguyên liệu chất lượng cao.

Với mục tiêu cung cấp các sản phẩm cát, hạt silica cao cấp trong chuỗi sản xuất ngành Silica, phòng Công nghệ của Công ty đã và đang nghiên cứu các công nghệ chế biến cát hiện đại, tân tiến nhất như sử dụng sóng siêu âm hoặc kết hợp giữa tôi trong lò nhiệt và nhúng qua axit để loại bỏ hàm lượng kim loại trong cát hiệu quả hơn, qua đó giúp các sản phẩm của Công ty đáp ứng được các tiêu chuẩn của một sản phẩm đầu vào cho từng ngành sử dụng cát trắng và hạt silica làm nguyên liệu.

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- **Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:** Công ty đã ban hành bộ hướng dẫn quy trình sản xuất và giám sát chất lượng sản phẩm nội bộ dựa theo tiêu chuẩn kiểm soát chất lượng cao nhất của ngành Silica với mục tiêu kiểm soát nguyên liệu đầu vào, sản phẩm đầu ra ở mức tốt nhất. Bộ quy trình đề ra các thông số của qui trình sản xuất để sản phẩm chế biến đạt được yêu cầu kỹ thuật của hợp đồng; đồng thời phát hiện ngăn ngừa các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm trong quá trình chế biến, chuẩn bị hàng, trung chuyển hàng và lưu kho tại cảng.

- **Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty:** Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty trực thuộc Phòng Công nghệ có trách nhiệm giám sát liên tục hoạt động sản xuất của Công ty và đưa ra ý kiến ngay lập tức khi phát hiện có sai sót trong quá trình sản xuất dẫn đến ảnh hưởng chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, tham gia vào quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ còn có Phòng Kinh doanh, đơn vị sản xuất, đơn vị kiểm tra độc lập như Vinacontrol... đảm bảo yếu tố chất lượng và quy cách sản phẩm là tuyệt đối đúng theo yêu cầu của khách hàng hoặc từng Đơn đặt hàng.

6.7 Hoạt động Marketing

Công ty luôn quan tâm và đề cao tầm quan trọng của hoạt động Marketing. Công ty luôn chú trọng đầu tư cho việc marketing thương hiệu, quảng bá hình ảnh đến các nhà đầu tư, đối tác, khách hàng lớn. Hiện nay các hoạt động marketing của Công ty được thực hiện theo hướng tiếp thị trực tiếp với các khách hàng doanh nghiệp (B2B – Business to Business) chứ chưa thông qua các phương tiện thông tin đại chúng hoặc tổ chức các chương trình quảng bá hình ảnh lớn.

6.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền



Logo Công ty:

Công ty hiện chưa thực hiện các thủ tục đăng ký sở hữu thương hiệu đối với logo và các sản phẩm cát của Công ty.

6.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 8: Danh sách các hợp đồng lớn của MIC đến Quý III/2024

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên đối tác	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ cung cấp	Mối quan hệ với Người Nội bộ
I	Hợp đồng đầu vào, sử dụng dịch vụ					
1	Công ty TNHH Cảng biển quốc tế Chu Lai	Theo từng lần xuất HĐ Năm 2022: 4.038 tr.đ Năm 2023: 3.413 tr.đ 6T/2024: 866 tr.đ 9T/2024: 1.439 tr.đ	Theo từng năm	Từ năm 2022- 2024	Xếp dỡ hàng hóa, logistics	Không có
2	Công ty TNHH MTV Vũ Phương Đô	Theo từng lần xuất HĐ Năm 2022: 2.686 tr.đ Năm 2023: 4.381 tr.đ 6T/2024: 2.593 tr.đ 9T/2024: 3.033 tr.đ	Theo từng năm	Từ năm 2022- 2024	Đất san lấp	Không có
3	Công ty TNHH Mai Phương	Theo từng lần xuất HĐ Năm 2022: 2.838 tr.đ Năm 2023: 1.970 tr.đ 6T/2024: 2.331 tr.đ 9T/2024: 3.911 tr.đ	Theo từng năm	Từ năm 2022- 2024	Vận chuyển cát nguyên khai	Không có
4	Công ty Cổ phần Logistics Portserco	Theo từng lần xuất HĐ Năm 2022: 6.279 tr.đ Năm 2023: 11.057 tr.đ 6T/2024: 13.408 tr.đ 9T/2024: 19.122 tr.đ	Theo từng năm	Từ năm 2022- 2024	Vận chuyển cát trắng	Không có
5	Công ty CP Cảng Đà Nẵng	Theo từng lần xuất HĐ Năm 2022: 1.771 tr.đ Năm 2023: 2.876 tr.đ 6T/2024: 4.045 tr.đ	Theo từng năm	Từ năm 2022- 2024	Xếp dỡ hàng hóa, logistics	Không có

		9T/2024: 5.680 tr.đ				
6	Công ty CP VP Silica	Theo từng lần xuất HĐ Năm 2022: 513 tr.đ Năm 2023: 7.344 tr.đ 6T/2024: 6.605 tr.đ 9T/2024: 8.555 tr.đ	Theo từng năm	Từ năm 2022-2024	Xếp dỡ hàng hóa, logistics	Cổ đông lớn, Bên liên quan NNB
7	CTCP Thương mại Vận tải Quốc tế Thành Nam	Theo từng lần xuất HĐ Năm 2022: 3.925 tr.đ Năm 2023: 12.448 tr.đ 6T/2024: 8.757 tr.đ 9T/2024: 14.077 tr.đ	Theo từng năm	Từ năm 2022-2024	Vận chuyển cát trắng	Không có
8	Công ty TNHH MTV Giang Phú Thành	Theo từng lần xuất HĐ Năm 2022: 11.522 tr.đ Năm 2023: 9.674 tr.đ 6T/2024: 2.544 tr.đ 9T/2024: 4.153 tr.đ	Theo từng năm	Từ năm 2022-2024	Vận chuyển cát trắng	Không có
9	Công ty TNHH MTV Thương mại và Xây dựng Chi Linh	Theo từng lần xuất HĐ Năm 2022: 16.411 tr.đ Năm 2023: 29.569 tr.đ 6T/2024: 22.004 tr.đ 9T/2024: 32.572 tr.đ	Theo từng năm	Từ năm 2022-2024	Cát trắng thành phẩm	Không có
10	CTCP Vận tải Hùng Đạt	Theo từng lần xuất HĐ Năm 2022: 1.486 tr.đ Năm 2023: 4.600 tr.đ 6T/2024: 885 tr.đ 9T/2024: 885 tr.đ	Theo từng năm	Từ năm 2022-2024	Vận chuyển cát trắng	Không có
II	Hợp đồng đầu ra, cung cấp dịch vụ					
1	Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Hải Tiến Thành	Theo từng lần xuất HĐ Năm 2022: 5.159 tr.đ Năm 2023: 7.398 tr.đ 6T/2024: 326 tr.đ 9T/2024: 326 tr.đ	Theo từng năm	Từ năm 2022-2024	Cát trắng chế biến	Không có
2	CÔNG TY CỔ PHẦN VP SILICA	Theo từng lần xuất HĐ Năm 2022: 48.885 tr.đ Năm 2023: 112.689 tr.đ 6T/2024: 91.488 tr.đ 9T/2024: 122.194 tr.đ	Theo từng năm	Từ năm 2022-2024	Cát trắng chế biến	Cổ đông lớn, Bên liên quan NNB
3	Công ty TNHH Công nghiệp	Theo từng lần xuất HĐ Năm 2022: 4.901 tr.đ Năm 2023: 4.200 tr.đ	Theo từng năm	Từ năm 2022-2023	Cát trắng chế biến	Không có

	Vật liệu HAL Việt Nam					
4	NEX CHEM CO., LTD	Theo từng lần xuất HĐ Năm 2022: 26.366 tr.đ Năm 2023: 14.666 tr.đ 6T/2024: 14.019 tr.đ 9T/2024: 14.019 tr.đ	Theo từng năm	Từ năm 2022-2024	Cát trắng chế biến	Không có
5	Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Chế biến Khoáng Sản Phenikaa Huế	Theo từng lần xuất HĐ Năm 2022: 7.171 tr.đ Năm 2023: 308 tr.đ	Theo từng năm	Từ năm 2022-2023	Cát trắng chế biến	Không có
6	Công ty TNHH Thủy Tinh Pha Lê Việt Tiệp	Theo từng lần xuất HĐ Năm 2022: 4.869 tr.đ Năm 2023: 1.356 tr.đ	Theo từng năm	Từ năm 2022-2023	Cát trắng chế biến	Không có
7	FARN HWA ENTERPRISE CO.,LTD	Theo từng lần xuất HĐ Năm 2022: 17.275 tr.đ	2022	Trong năm 2022	Cát trắng chế biến	Không có
8	MC3 RESOURCES INC	Theo từng lần xuất HĐ Năm 2022: 36.616 tr.đ Năm 2023: 18.805 tr.đ	Theo từng năm	Từ năm 2022-2023	Cát chế biến	Không có
9	Công ty TNHH Yeou Lih Silica Sand Việt Nam	Theo từng lần xuất HĐ Năm 2022: 2.531 tr.đ Năm 2023: 1.439 tr.đ	Theo từng năm	Từ năm 2022-2023	Cát chế biến	Không có
10	Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Theo từng lần xuất HĐ Năm 2022: 9.032 tr.đ Năm 2023: 9.934 tr.đ 6T/2024: 7.335 tr.đ 9T/2024: 10.332 tr.đ	Theo từng năm	Từ năm 2022-2024	Cát chế biến	Không có
11	Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam	Theo từng lần xuất HĐ Năm 2023: 17.880 tr.đ 6T/2024: 13.482 tr.đ 9T/2024: 19.823 tr.đ	Theo từng năm	Từ năm 2023-2024	Cát chế biến	Không có

Nguồn: MIC

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 02 năm gần nhất và quý gần nhất

Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh của MIC – Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/giảm so với năm 2022		9T/2024
			Giá trị	%	
Tổng tài sản	137.092	167.118	30.026	21,9%	185.501
Vốn chủ sở hữu	71.714	82.948	11.234	15,7%	92.234
LNST chưa phân phối	15.058	26.291	11.233	74,6%	35.578
Doanh thu thuần	148.277	180.415	32.138	21,7%	167.919
Lợi nhuận từ HĐKD	19.726	16.642	(3.084)	(15,6%)	14.010
Lợi nhuận khác	(823)	(1.034)	(211)	25,6%	(393)
Lợi nhuận trước thuế	18.903	15.607	(3.296)	(17,4%)	13.617
Lợi nhuận sau thuế	13.761	11.233	(2.528)	(18,4%)	9.286
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-	-
Tỷ lệ LNST/vốn CSH BQ	21,2%	14,5%	-	-	10,6%
Giá trị sổ sách của cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	12.933	14.684	-	-	1.674

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán; BCTC 9T/2024 tự lập của MIC.

Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh của MIC – Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/giảm so với năm 2022		9T/2024
			Giá trị	%	
Tổng tài sản	137.005	167.077	30.072	21,9%	185.354
Vốn chủ sở hữu	70.662	81.427	10.765	15,2%	90.208
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.005	24.770	10.765	76,9%	33.552
Doanh thu thuần	150.111	180.415	30.304	20,2%	167.919
Lợi nhuận từ HĐKD	19.281	18.338	(943)	(4,9%)	13.986
Lợi nhuận khác	(743)	(2.730)	(1.987)	267,4%	(369)
Lợi nhuận trước thuế	18.538	15.607	(2.931)	(15,8%)	13.617
Lợi nhuận sau thuế	13.105	10.765	(2.340)	(17,9%)	8.781
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-	-
Tỷ lệ LNST/vốn chủ sở hữu BQ	20,4%	14,2%	(6,2%)	(6,2%)	10,2%
Giá trị sổ sách của cổ phiếu (đồng/CP)	12.743	14.685	-	-	1.583

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán; BCTC HN 9T/2024 tự lập của MIC.

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 167,1 tỷ đồng, tăng 30 tỷ đồng so với tại thời điểm 31/12/2022 (tương ứng tăng 21,9%).

Vốn Chủ sở hữu của MIC tại 31/12/2023 là 82,9 tỷ đồng tăng 11,2 tỷ đồng so với tại thời điểm 31/12/2022, tương ứng tăng 15,7% chủ yếu do Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 11,2 tỷ đồng được giữ lại.

Doanh thu thuần năm 2023 đạt 180,4 tỷ đồng, tăng 32,1 tỷ đồng so với năm 2022, tương ứng tăng 21,7% chủ yếu do doanh thu bán cát trắng tuyển tăng 11,8 tỷ đồng, doanh thu bán bột silica tăng 4 tỷ đồng và doanh thu cung cấp dịch vụ tăng 16,5 tỷ đồng so với năm 2022.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2023 là 16,6 tỷ đồng, giảm 3 tỷ đồng so với năm 2022, tương ứng giảm 15,6% so với cùng kỳ, chủ yếu do giá vốn và chi phí tài chính tăng so với năm 2022, trong đó giá vốn tăng 37 tỷ đồng và chi phí tài chính tăng gần 2 tỷ đồng.

Lợi nhuận khác của Công ty qua các năm đều âm do MIC có nhiều chi phí khác phát sinh. Năm 2023, chi phí khác của Công ty chủ yếu là khoản chậm nộp thuế, BHXH có giá trị gần 1,2 tỷ đồng, chi phí khấu hao tài sản hơn 344 triệu đồng.

Tại ngày 30/09/2024, tổng tài sản của Công ty đạt 185 tỷ đồng, tăng 18 tỷ đồng so với đầu năm 2024. VCSH đạt 90,2 tỷ đồng, chủ yếu tăng do Lợi nhuận sau thuế 9 tháng năm 2024 đạt 8,7 tỷ đồng. Doanh thu thuần là 167,9 tỷ đồng, tăng 18,5 tỷ đồng so với cùng kỳ 2023, tương ứng tăng 12,4%. Lợi nhuận thuần là 13,9 tỷ đồng, giảm 4,9 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023, tương ứng giảm 26%, chủ yếu do chi phí tài chính và quản lý doanh nghiệp tăng so với cùng kỳ 2023 (chi phí tài chính tăng 40% và chi phí QLDN tăng 21%).

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

7.2.1 Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2023

❖ Thuận lợi:

- Trong năm 2023, Công ty đã chủ động hoàn toàn trong việc khai thác nguyên liệu cát trắng từ mỏ cát trắng Hương An, đảm bảo sản lượng khai thác ổn định. Việc nghiên cứu thành công và sản xuất, cung cấp sản phẩm cát chất lượng cao, ít sắt F80 đã mang lại nhiều lợi ích về hình ảnh và uy tín của Công ty trong mối quan hệ với đối tác.
- Thời tiết trong năm ổn định, ít mưa; đồng thời Công ty cải thiện nâng công suất thiết bị chế biến cát nên việc cung cấp sản phẩm cho khách hàng được đảm bảo.
- Các chính sách ổn định kinh tế và mở cửa thị trường được Chính phủ thực hiện triệt để đã góp phần giúp các công ty trong nước ổn định sản xuất, trong đó có mặt hàng cát trắng của MIC.

❖ Thách thức:

- Một số thủ tục pháp lý liên quan đến 2 mỏ nguyên liệu chính của Công ty là: mỏ cát trắng Hương An và mỏ fenspat Đại Lộc chưa được hoàn chỉnh, đã ảnh hưởng phần nào tới khả năng và công suất khai thác của MIC trong năm 2023.
- + Đối với mỏ cát trắng Hương An: Theo quyết định số 78/QĐ-BTNMT ngày 10/01/2024 của Bộ TNMT về việc điều chỉnh giấy phép khai thác và quyết định số

405/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 của UBND Tỉnh Quảng Nam về việc thu hồi đất cho Công ty thuê để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (cát trắng). Công ty đang tiếp tục hoàn thiện các thủ tục về thuê đất với phần diện tích chồng lấn với KCN An Thịnh. Tuy nhiên thủ tục bị chậm trong quá trình triển khai dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2024.

- + Đối với mỏ fenspat Đại Lộc: Giấy phép khai thác mỏ số 995/QĐ-BTNMT ngày 28/07/2006 đã hết hạn từ năm 2019, MIC đang tích cực làm việc để gia hạn cho Giấy phép khai thác này. Do vậy, Công ty đang tạm ngừng khai thác mỏ fenspat Đại Lộc. Hiện nay, hồ sơ xin cấp phép khai thác mỏ của Công ty đã được Hội đồng đánh giá trữ lượng Quốc Gia thẩm định xong với trữ lượng cho phép khai thác là 550.000 tấn. Công ty sẽ thực hiện nộp hồ sơ xin cấp phép khai thác mỏ lên Bộ Tài nguyên Môi trường và dự kiến được cấp phép trong năm 2025.
- Một số chi phí đầu vào và phí phải nộp như: giá nguyên vật liệu, chi phí sửa chữa, Phí bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên khoáng sản-nước, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền thuê đất, chi phí Logistics đường bộ và đường biển, đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng địa phương... tăng cao trong thời gian gần đây đã ảnh hưởng phần nào tới việc kiểm soát chi phí và doanh thu của Công ty.
- Hệ thống máy móc-thiết bị, phương tiện vận tải, đường vận chuyển nội bộ, của Công ty có thời gian đầu tư và sử dụng lâu, mặc dù được thường xuyên bảo dưỡng nhưng hệ thống đang xuống cấp, hư hỏng liên tục dẫn đến chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tăng cao. Công ty đã lập kế hoạch bổ sung vốn lưu động và vốn đầu tư để sửa chữa, thay mới hệ thống thiết bị cũ.
- Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động khai thác chế biến khoáng sản và bảo vệ môi trường ngày càng siết chặt nên ảnh hưởng nhiều đến hoạt động khai thác của MIC.

7.2.2 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất.

a) *Năng lực tài chính chưa mạnh:*

Từ năm 2021, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động kinh doanh và đem lại hiệu quả đáng kể. Công ty đã xử lý xong khoản lỗ lũy kế của các năm trước để lại và tiếp tục đầu tư để đẩy mạnh hơn nữa hiệu quả kinh doanh trong thời gian tới. Tuy nhiên, năng lực tài chính của MIC hiện nay vẫn chưa đủ mạnh, vẫn cần sự tiết giảm chi phí trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mặc dù từ năm 2022, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty tương đối ổn định, tình hình tài chính mất cân đối trầm trọng kéo dài trong nhiều năm vẫn phần nào ảnh hưởng tới sự hoạt động của MIC. Vốn lưu động phục vụ sản xuất chủ yếu là vốn vay ngân hàng, dòng tiền luân chuyển chậm. Tiền hàng thanh toán chậm dẫn đến sự chậm trễ trong tiến độ nộp tiền ký quỹ phục hồi môi trường, thiếu tiền nộp thuế và vốn cho sản xuất. Sang năm 2023-2024, với sự ổn định của việc sản xuất, Công ty dần tích lũy được lợi nhuận giữ lại để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh, tái đầu tư để mở rộng năng lực sản xuất, từ đó, ổn định và nâng cao dần năng lực tài chính. Tuy nhiên, ban lãnh đạo Công ty cho rằng Công ty cần 1-2 năm tiếp theo để đẩy mạnh được năng lực tài chính của Công ty, khi các biện pháp tiết giảm chi phí, đẩy mạnh sản xuất và mở rộng việc kinh doanh được thi hành đồng bộ và ổn định, mang lại hiệu quả cao cho Công ty.

b) Chính sách quản lý tài nguyên khoáng sản:

Việc chưa thống nhất trong một số chủ trương, chính sách quản lý tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là chính sách xuất khẩu cát silica của Chính phủ Việt Nam có thể dẫn đến một số bất lợi trong việc phát triển tệp khách hàng nước ngoài của Công ty.

c) Chi phí về kỹ quỹ cải tạo-PHMT và hỗ trợ địa phương tăng:

Theo quy định pháp luật về khoáng sản, Công ty phải có trách nhiệm hỗ trợ chi phí đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong khai thác khoáng sản và xây dựng công trình phúc lợi cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác. Các chi phí hỗ trợ dựa trên thỏa thuận giữa Công ty với địa phương, không đồng nhất ở giá chi trả và không được tính là chi phí hợp lý khi tính thuế TNDN. Hiện nay, đối với mỗi m³ khai thác, Công ty chi trả 35.000 đồng/m³ khoản chi phí hỗ trợ địa phương.

d) Thuế các loại tăng:

Hiện nay, Thuế phí có xu hướng tăng trong ngành khoáng sản làm ảnh hưởng chung tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

e) Chi phí đầu vào tăng:

Chi phí cho việc cải tạo phục hồi môi trường, chi phí thuế (thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) tăng và chiếm tỷ trọng khá cao trong giá thành khai thác, đặc biệt là cát trắng, đây là yếu tố bất lợi làm giảm khả năng cạnh tranh của Công ty so với các đơn vị cùng ngành. Năm 2023, giá nhiên liệu, năng lượng tăng cao làm ảnh hưởng lớn đến chi phí vận chuyển nội bộ, chi phí bán hàng, chi phí phục vụ sản xuất.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**8.1 Vị thế của công ty trong ngành**

Ở Việt Nam, có nhiều Công ty hoạt động liên quan đến chuỗi giá trị ngành công nghiệp Silica từ khâu chế biến đến khâu sản xuất sản phẩm đầu cuối. Đối với chuỗi giá trị chế biến ngành Silica tại Việt Nam có thể kể đến một số doanh nghiệp đang hoạt động như: Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Việt Phương (Huế), Nhà máy Cristobalite của Tập đoàn Phenikaa (Huế), Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VICO Quảng Trị (Quảng Trị), Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Trị (Quảng Trị), Công ty TNHH Hoàng Tiệp (Quảng Nam), Công ty TNHH Thuận Phát – Bình Định (Bình Định)... và Công ty MIC tại Quảng Nam.

Trong ngành công nghiệp Silica, đặc biệt ở chuỗi giá trị chế biến, các tiêu chí để xác định vị thế doanh nghiệp bao gồm: công suất Mỏ được cấp có thẩm quyền cấp phép, công suất Nhà máy chế biến, năng lực sản xuất của Nhà máy chế biến, hệ thống quản trị chất lượng và quản trị điều hành Công ty, hệ thống nguồn nhân lực, thị phần và thị trường chiếm lĩnh. Căn cứ các yếu tố trên, Công ty MIC đứng ở vị trí thứ 03 theo thứ tự là: Dẫn đầu ngành ở thời điểm hiện tại là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Phương với Nhà máy Huế Premium Silica có công suất Mỏ được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép là 27 triệu tấn, Nhà máy Huế Premium Silica hoạt động với tổng công suất 02 giai đoạn là 880.000 tấn/năm, đứng thứ 02 là Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VICO Quảng Trị với công suất Mỏ được cấp phép là 15 triệu tấn, công suất chế biến là 600.000 tấn/năm, đứng thứ 03 là Công ty MIC với công suất Mỏ và chế biến được cấp phép là 300.000

tấn/năm (Theo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư lần 1 số 2570/QĐ-UBND ngày 26/09/2022).

Hiện nay, MIC đứng ở vị trí thứ 02 xét về năng lực sản xuất sản phẩm cát trắng Silica chất lượng cao có hàm lượng sắt dưới 80ppm để phục vụ nguyên liệu đầu vào cho các ngành sản xuất kính năng lượng mặt trời tại Việt Nam và khu vực. Cùng với việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư, nâng công suất lên 300.000 tấn/năm, trong năm 2023, Công ty đã tiếp tục đầu tư, lắp đặt dây chuyền nâng công suất khai thác lên 300.000 tấn/năm, đáp ứng được nhu cầu mở rộng, phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Tổng quan ngành:

Cát thạch anh cao cấp là vật liệu cho các ngành công nghiệp 5G, công nghệ cao, vật liệu xanh... thúc đẩy thế giới phát triển theo hướng thân thiện với môi trường. Trước đây, nền công nghiệp cổ điển dựa trên nhiệt điện, than đá... khiến thế giới ô nhiễm nghiêm trọng. Đại dịch Covid-19 đã làm thay đổi suy nghĩ của toàn cầu về mức độ nghiêm trọng của biến đổi khí hậu. Nhiều quốc gia trên thế giới phải xây dựng lại các chính sách phát triển kinh tế bền vững, lấy con người làm trung tâm.

Cát thạch anh là nguyên liệu quan trọng của ngành công nghiệp 5G, điện tử, ô tô, năng lượng tái tạo, thủy tinh y học cao cấp, và công nghệ vật liệu mới. Đây là những nền tảng quan trọng nhất của kinh tế xanh trong đó năng lượng sạch là khởi đầu của chuỗi giá trị sạch như: 5G, xe điện, kính năng lượng mặt trời, thủy tinh y học cao cấp, sản xuất linh kiện điện tử tự động hóa, trí tuệ nhân tạo... Vật liệu mới sẽ là khởi đầu của chuỗi giá trị sản xuất như: Nhà ở, hàng tiêu dùng, chai lọ vắcxin, thiết bị kỹ thuật cao, công nghệ sinh học, in 3D...

Triển vọng phát triển ngành:

Theo dự báo của Mordor Intelligence (một tổ chức nghiên cứu và tư vấn thị trường của Ấn Độ), thị trường silica toàn cầu ước tính đạt 458,22 triệu tấn vào năm 2022. Thị trường được dự báo sẽ đạt tốc độ CAGR lớn hơn 6% trong giai đoạn dự báo (2022-2027). Thị trường lớn nhất của ngành sản xuất cát thạch anh chất lượng cao là các quốc gia tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương có nền công nghiệp phát triển mạnh như Nhật Bản, Ấn Độ, Trung Quốc,...

Châu Á đang từng bước trở thành trung tâm sản xuất của ngành công nghệ cao của thế giới. Chính vì thế, nhu cầu cát thạch anh cao cấp của khu vực Châu Á có mức tăng trưởng lớn nhất toàn cầu. Việt Nam đặc biệt là tỉnh Quảng Nam có những tiềm năng về nguồn nguyên liệu Silica, vị thế logistics, hạ tầng... để phát triển trở thành nơi thu hút các ngành nghề chế biến, sản xuất liên quan đến Silica hàng đầu trong Khu vực Châu Á.

Trong phát biểu tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26) tháng 11 năm 2021 tại Glasgow, Vương quốc Anh, Thủ tướng Phạm Minh Chính chính thức công bố cam kết của Việt Nam đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Đây là một bước ngoặt lịch sử trong chính sách ứng phó biến đổi khí hậu của Việt Nam, đưa chúng ta hội nhập cùng 140 nước trên thế giới thực hiện NetZero vào năm 2050. Việt Nam tích cực, chủ động tham gia cùng cộng đồng quốc tế trong giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với

biến đổi khí hậu và coi đây là cơ hội để chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng xanh, tuần hoàn, carbon thấp.

Cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung được dự báo sẽ kéo dài hết thế kỷ này, xuất khẩu của Việt Nam đang hưởng lợi lớn từ chiến tranh thương mại khi nhiều doanh nghiệp dịch chuyển sản xuất khỏi Trung Quốc. Hiện Việt Nam đang được coi là nền kinh tế được hưởng lợi nhiều nhất trong cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung. Lợi thế chi phí nhân công thấp, tình hình chính trị ổn định, nhiều thỏa thuận thương mại đã được ký kết cùng vị trí địa lý thuận tiện cho các tuyến đường hàng hải đã giúp Việt Nam ghi điểm.

Đại dịch Covid-19 đã cho thấy sự rủi ro của chuỗi cung ứng toàn cầu khi phụ thuộc quá nhiều vào một nguồn cung ứng từ Trung Quốc, và sự vận chuyển hàng hóa giữa các châu lục. Các tập đoàn đa quốc gia đã phải đa dạng hóa chuỗi sản xuất - cung ứng tránh phải lệ thuộc vào một nguồn duy nhất. Đại dịch cũng làm bùng nổ nhu cầu các thiết bị điện tử, nhu cầu về vaccin, y tế tăng cao và trở thành vô cùng cấp thiết hơn bao giờ hết.

Cuộc chiến tranh giữa Nga – Ukraine vô hình chung đã thúc đẩy nhu cầu chuyển đổi mạnh mẽ hơn nữa về an ninh năng lượng của các quốc gia trên toàn thế giới, đặc biệt là EU. Các ngành năng lượng tái tạo như điện năng lượng mặt trời, điện gió được tập trung đầu tư mạnh mẽ hơn nữa.

Tầm quan trọng của các điểm trên đã dẫn đến nhu cầu về Silica và các sản phẩm liên quan đến ngành Silica bùng nổ và dự báo sẽ liên tục tăng trưởng trong hơn 15 năm tới.

8.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành.

Tại Việt Nam, hầu hết các doanh nghiệp hoạt động trong chuỗi giá trị chế biến ngành công nghiệp Silica đều là doanh nghiệp chưa niêm yết, không phổ biến thông tin tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trên thị trường tài chính theo quy định của Luật chứng khoán và các quy định của pháp luật liên quan.

Để có môi trường quan so sánh, Công ty lựa chọn 2 mã chứng khoán có ngành nghề tương đồng gần nhất với Công ty là KSB (Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương – Sàn HSX) và AMC (Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu).

Chỉ tiêu tại ngày 31/12/2023	ĐVT	KSB	AMC	MIC
Tổng tài sản	Tr.đồng	4.276.640	78.361	167.077
Vốn điều lệ	Tr.đồng	766.312	28.500	55.449
Doanh thu thuần	Tr.đồng	528.626	146.862	180.415
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	73.765	6.436	10.765
Lĩnh vực kinh doanh chính trong năm		Cát, khoáng sản, vật liệu xây dựng	Cát, bột đá vôi CaCO ₃	Cát chế biến, bột trảng thạch

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2023 của các công ty KSB, AMC được công bố thông tin tại website của doanh nghiệp

8.4 *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.*

Về chính sách của nhà nước: Ngành công nghiệp Silica là một ngành công nghiệp quan trọng có vai trò đặc biệt trong thế kỷ này được tổ chức và hoạt động một cách đầy đủ theo các quy định của pháp luật hiện hành gồm: Luật khoáng sản, Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp... và các chỉ đạo, chỉ thị, quyết định của các cơ quan có thẩm quyền gồm: Bộ Chính trị, Chính phủ, Thủ tướng, các Bộ/ngành... Trong những năm qua, Quốc hội và Chính Phủ đã ban hành nhiều quy định, chỉ đạo để phát triển ngành công nghiệp Silica của Việt Nam. Vì vậy có thể khẳng định ngành công nghiệp Silica mà Công ty MIC đang hoạt động hoàn toàn phù hợp với đường lối, chủ trương của Nhà nước Việt Nam, cụ thể phù hợp với:

- Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28/11/2008 và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 và số liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Luật Khoáng sản 2010;

- Luật đầu tư 2020;

- Luật doanh nghiệp 2020;

- Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

- Luật Quản lý ngoại thương 2017 và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương (thay thế Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ);

- Nghị định số 101/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 và Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP (viết tắt là Nghị định 101), trong đó có quy định xuất khẩu các mặt hàng cát silic;

- Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

- Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050;

- Thông tư số 04/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

- Và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Về chính sách của Nhà nước: Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050, trong đó đối với cát xây dựng nêu rõ chủ trương “*không xuất khẩu cát xây dựng khai thác từ tự nhiên, từng bước hạn chế sử dụng cát trắng (cát trắng silic) đủ*

tiêu chuẩn làm nguyên liệu sản xuất kính, thủy tinh làm vật liệu san lấp và xuất khẩu”. Công ty MIC đã làm chủ công nghệ chế biến cát trắng Silic có hàm lượng sắt dưới 80ppm phục vụ nguyên liệu đầu vào cho các ngành sản xuất kính năng lượng mặt trời, kính xây dựng, thủy tinh cao cấp, vật liệu xây dựng cao cấp, công nghệ 5G... như vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty MIC là hoàn toàn phù hợp theo đúng chính sách của Nhà nước theo Quyết định số 1266/QĐ-TTg.

Về xu thế chung của thế giới: Xu thế chung của thế giới hầu hết đều phát triển tối đa chuỗi giá trị chế biến Silica phục vụ cùng lúc nhiều ngành công nghiệp khác nhau tại chính thị trường nội địa, thị trường xuất khẩu và không có hạn ngạch như: Australia, Malaysia, Indonesia... Vì thế có thể khẳng định, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty MIC không những phù hợp với chính sách của Nhà nước Việt Nam mà còn theo đuổi kịp thời xu thế chung của thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

Số lượng người lao động trong Công ty:

MIC luôn xem nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi và là tài sản quý giá của Công ty. Chính sách nhân sự của MIC được xây dựng với mục đích biến nguồn nhân lực trở thành một ưu thế cạnh tranh hàng đầu. Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động.

Tính đến 31/12/2023 số lượng cán bộ nhân viên, công nhân của Công ty mẹ là 92 người, đạt 75% so với cùng kỳ năm 2022 là 103 người. Tại thời điểm 30/09/2024 số lượng cán bộ nhân viên, công nhân của Công ty mẹ là 91 người. Cơ cấu nhân sự của Công ty cụ thể như sau:

Bảng 11 : Cơ cấu nhân sự của MIC – Công ty mẹ

Phân loại lao động	31/12/2023		30/09/2024	
	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1. Theo trình độ lao động	92	100%	91	100%
Trên đại học	01	1%	01	1%
Đại học	30	32%	29	32%
Cao đẳng + Khác	61	67%	61	67%
2. Theo tính chất HDLĐ	92	100%	91	100%
Lao động thường xuyên	92	100%	91	100%
Lao động thời vụ	0	0%	0	0%

Nguồn: MIC

Chế độ làm việc:

- **Thời gian làm việc:** Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần (thứ 7 làm việc từ 8-12h), thực hiện nghỉ vào ngày Chủ nhật, thời gian nghỉ trưa là 1h đối với cán bộ văn phòng. Khi có yêu cầu công việc, nhân viên công ty có thể đăng ký làm thêm giờ và được đảm bảo chi trả lương theo đúng quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng lao động.

- **Điều kiện làm việc:** MIC quyết tâm trở thành Công ty có điều kiện lao động tốt nhất trong ngành – nơi các công việc được ngư trị bởi tinh thần trách nhiệm, hợp tác và tôn trọng lẫn nhau, nơi con người được tự do làm việc, sáng tạo và tìm thấy niềm vui, ý nghĩa, giá trị trong công việc. Công ty xây dựng hệ thống văn phòng, địa điểm làm việc đảm bảo an toàn sức khỏe, thoải mái và thuận tiện cho CBNV, thiết kế không gian xanh – sạch – đẹp, cung cấp đầy đủ phương tiện làm việc, trang thiết bị cho người lao động; đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn vệ sinh lao động.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

- **Tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Chính sách tuyển dụng của MIC được xây dựng nhằm mục tiêu thu hút nhân tài, bổ sung và đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu nhân lực của Công ty. Hệ thống quy trình tuyển dụng được thiết lập nhằm giúp Công ty tuyển chọn đúng người, giúp người lao động nhanh chóng hội nhập, làm quen và nắm bắt công việc. Đồng thời, Công ty không ngừng nỗ lực nâng cao trải nghiệm ứng viên, xây dựng thương hiệu tuyển dụng, tiến tới trở thành nhà tuyển dụng có thương hiệu uy tín trên thị trường nhân lực. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

- **Đào tạo:** Cùng với chính sách tuyển dụng, MIC xây dựng chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực với mục tiêu nâng cao năng lực của người lao động, quy hoạch và phát triển đội ngũ nhân sự kế thừa có khả năng đảm nhận các vị trí mới, cao hơn và chủ chốt trong tương lai. Để đáp ứng mục tiêu đó, đến nay, Công ty đã triển khai nhiều khóa đào tạo khác nhau. Các khóa đào tạo trên do trực tiếp các giảng viên nội bộ của Công ty thực hiện hoặc thuê ngoài với nội dung đa dạng liên quan tới: (i) cập nhật, bổ sung kiến thức chuyên môn, (ii) phát triển kỹ năng, (iii) tìm hiểu về văn hóa doanh nghiệp. Để nâng cao chất lượng đào tạo, Công ty cũng quan tâm tới việc xây dựng đội ngũ giảng viên nội bộ có đầy đủ chuyên môn và kỹ năng đồng thời khuyến khích người lao động phát triển văn hóa đọc, chia sẻ kiến thức và đào tạo lẫn nhau.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

- **Chính sách lương:** Hệ thống lương thưởng được xây dựng dựa trên (i) vị trí chức danh, (ii) đánh giá năng lực và (iii) hiệu quả công việc và thành tích của người lao động. Thông qua đó, người lao động được trả lương công bằng, có động lực để nâng cao năng lực, hiệu quả công việc nhằm nâng cao thu nhập. Công ty chi trả tiền lương hàng tháng cho người lao động đầy đủ và đúng hạn. Đồng thời, đóng bảo hiểm xã hội và thực hiện các chế độ cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Công ty tổ chức đánh giá thành tích và xét nâng lương hàng năm cho người lao động theo đúng quy định của Công ty và pháp luật hiện hành. Người lao động được chi trả một lần vào thời gian từ ngày 05 đến ngày 10 hàng tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Nhà nước hiện hành.

- **Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên và ghi nhận thành tích, cống hiến của cán bộ công nhân viên trong Công ty giúp gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty đã xây dựng hệ thống khen thưởng cấp Công ty hàng năm để vinh danh các cá nhân và tập thể xuất sắc; quyết định khen thưởng đột xuất với các cá nhân và phòng/ban có thành tích đặc biệt trong công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc

tập thể trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng. Bên cạnh thưởng bằng tiền mặt, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch nước ngoài khi có điều kiện, cho người lao động được mua nhà với chính sách ưu đãi...

- **Bảo hiểm và phúc lợi:** Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết, ... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBNV trong Công ty. Công ty cũng tiến hành thăm hỏi tặng quà các dịp hiếu, hỷ, sinh con của CBNV, tổ chức các hoạt động văn hóa doanh nghiệp gắn kết tinh thần của CBNV.

10. Chính sách cổ tức

Cổ tức là mối quan tâm hàng đầu của các nhà đầu tư, người góp vốn vào Công ty. Căn cứ theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty tiến hành trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Khi trả cổ tức, Công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

- Cổ đông được chia cổ tức tương đương ứng với phần vốn góp Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Tình hình chi trả cổ tức thời gian gần đây: Công ty không thực hiện chi trả cổ tức để sử dụng tiền cho việc tái đầu tư, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Bảng 11 : Chính sách cổ tức của MIC

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Tỷ lệ cổ tức chi trả	0%	0%
Tỷ lệ cổ tức chi trả /lợi nhuận sau thuế	0%	0%

Nguồn: MIC

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

a) Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 và được ước tính như sau:

Bảng 12: Thời gian khấu hao ước tính

Chỉ tiêu	Thời gian trích khấu hao
1. Nhà cửa vật kiến trúc	05-30 năm
2. Máy móc thiết bị	02-25 năm
3. Phương tiện vận tải	02-10 năm
4. Thiết bị quản lý	03-10 năm

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 của MIC

Phương pháp tính khấu hao, thời gian trích khấu hao được công ty áp dụng thống nhất giữa các năm tài chính và tuân thủ quy định của nhà nước.

b) Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của người lao động năm 2022: 11,6 triệu đồng/người/tháng, năm 2023: 12,4 triệu đồng/người/tháng, tăng gần 7%. Lao động của Công ty chủ yếu là các lao động có thâm niên làm việc lâu năm và tay nghề cao nên mức lương bình quân được đánh giá là cao hơn so với các doanh nghiệp cùng địa bàn.

c) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022, năm 2023, Công ty luôn thanh toán các khoản nợ đầy đủ, đúng hạn.

d) Đầu tư tài chính dài hạn

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Đầu tư tài chính dài hạn	1.380	1.380	480
Trái phiếu	1.380	1.380	480

Năm 2019, Công ty thực hiện mua 190 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) với thời hạn 10 năm (đáo hạn năm 2029), mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu và lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) của các ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất + 1,4%/năm. Tiền lãi thanh toán hàng năm. Trong năm 2019, toàn bộ số lượng trái phiếu này đều được cầm cố thế chấp cho các khoản vay phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 01/2019/586184/HĐTĐ ngày 17/09/2019 tại BIDV – Chi nhánh Quảng Nam.

Ngày 26/11/2021, Ngân hàng thực hiện quyền mua lại 52 trái phiếu của Công ty, tương đương 520 tỷ đồng. Số lượng 138 trái phiếu còn lại tiếp tục được cầm cố thế chấp cho các khoản vay tại BIDV theo Hợp đồng tín dụng năm 2019 nêu trên từ năm 2021 đến tháng 9/2024.

Ngày 26/09/2024, Ngân hàng tiếp tục thực hiện quyền mua lại 90 trái phiếu của Công ty, tương đương 900 tỷ đồng. Số lượng 48 trái phiếu còn lại tiếp tục được cầm cố thế chấp cho các khoản vay tại BIDV tại ngày 30/9/2024. Dự kiến MIC sẽ tiếp tục nắm giữ số lượng trái phiếu này tới năm đáo hạn là 2029.

e) Các khoản phải thu

Bảng 13: Các khoản phải thu – Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
I	Phải thu ngắn hạn	32.098	34.432	41.684
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	13.768	22.557	29.579
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	14.295	7.301	9.645
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	750	750	-
4	Phải thu ngắn hạn khác	3.997	4.506	3.638
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(713)	(683)	(1.179)
II	Phải thu dài hạn	16.032	41.415	47.812
1	Phải thu dài hạn khác	16.032	41.415	47.812
	TỔNG CỘNG	48.130	75.847	89.496

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán; BCTC riêng 9T/2024 tự lập của MIC.

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chiếm tỷ trọng 28,6% cơ cấu các khoản phải thu của Công ty, chủ yếu là các khách hàng có hợp đồng với điều khoản giao hàng trước và thanh toán tiền sau. Đây đều là những đối tác thường xuyên của Công ty. Ngoài ra, năm 2023, Công ty có khoản phải thu khác dài hạn là khoản ký quỹ có giá trị 41,5 tỷ đồng và lãi dự thu tài khoản ký quỹ với giá trị 1,6 tỷ đồng. Đây là lãi từ khoản ký quỹ dài hạn cho Quỹ Bảo vệ Môi trường địa phương mà Minco thực hiện ký quỹ theo quy định. Lãi suất cho khoản ký quỹ này được thông báo hàng năm tại thời điểm xác định lãi suất.

Khoản mục trả trước cho người bán chiếm tỷ trọng khoảng 29,7% các khoản phải thu của Công ty. Các khoản này đa số đến từ những nhà cung cấp nguyên vật liệu của Công ty. Đây cũng là các đối tác thân thiết đã có nhiều năm gắn bó cùng Công ty.

Phải thu ngắn hạn khác tăng mạnh trong năm 2022 so với năm 2021 do các khoản tạm ứng nhân viên (từ khoảng 689 triệu đồng lên khoảng 1,6 tỷ đồng) và tạm ứng để thực hiện tìm kiếm dự án đầu tư (tạm ứng hơn 2 tỷ đồng theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2022/MIC-TVĐ ngày 24/01/2022). Các khoản phải thu ngắn hạn khác nêu trên dự kiến đều có thể thu hồi.

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với giá trị 750 triệu đồng là khoản cho công ty con của Minco vay không có tài sản đảm bảo theo các Hợp đồng cho vay tiền ngày 16/08/2018 và Hợp đồng vay số 01/2019/MIC-TTĐL ngày 25/07/2019 và các phụ lục gia hạn kèm theo đến ngày 31/12/2023. Lãi suất cố định là 5,5%/năm, gốc và lãi vay được thanh toán khi khoản vay đáo hạn

Bảng 14: Các khoản phải thu – Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
I	Phải thu ngắn hạn	32.124	32.549	41.691
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	14.600	23.389	30.411
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	14.416	7.301	9.645
4	Phải thu ngắn hạn khác	4.654	3.372	4.260
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.545)	(1.515)	(2.626)
II	Phải thu dài hạn	16.396	41.575	47.972
1	Phải thu dài hạn khác	16.396	41.575	47.972
	TỔNG CỘNG	48.520	88.097	89.663

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán, BCTC HN 9T/2024 tự lập của MIC

Các khoản phải thu của MIC năm 2023 chủ yếu là phải thu khách hàng với giá trị phải thu lớn nhất là các công ty: Công ty cổ phần VP Silica (chiếm 76,8% khoản phải thu khách hàng). Đây là các đối tác truyền thống và có uy tín trong ngành của MIC, do đó, các khoản phải thu này được Công ty đánh giá hoàn toàn có khả năng thu hồi.

Các khoản trả trước cho người bán tại 31/12/2023 của Công ty chủ yếu với các đối tác cung cấp nguyên, nhiên vật liệu, thiết bị và dịch vụ vận chuyển cho Công ty như Công ty TNHH Huỳnh Nguyên Bảo (chiếm 35%) và Công ty TNHH Vận tải biển Hoàng Hiệp (chiếm 27,7%).

Tại ngày 31/12/2023, MIC có số dư phải thu dài hạn khác là gần 16,4 tỷ đồng. Đây là khoản ký quỹ bảo vệ môi trường theo nghĩa vụ để công ty thực hiện khai thác mỏ cát Hương An, để bảo đảm trách nhiệm cải tạo, phục hồi và bảo vệ môi trường trong các hoạt động được quy định theo pháp luật.

❖ Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng bao gồm:

	30/09/2024	31/12/2023	31/12/2022
		VND	VND
Công ty Cổ phần VP SILICA	18.711.244.518	17.933.306.552	2.867.506.191
Công ty TNHH Thủy tinh Pha lê Việt Tiệp	-	39.804.024	2.292.476.631
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	1.268.160.550	-	3.467.024.715
Công ty TNHH Hoàng Tiệp Việt Nam	6.138.070.970	-	-
Công ty TNHH Kính Nồi Việt Nam	2.056.499.200	-	-
Các đối tượng khác	2.237.284.409	5.416.602.560	5.973.447.085
	30.411.259.647	23.389.713.136	14.600.454.622

Nguồn: BCTC hợp nhất 2023 đã được kiểm toán, BCTC HN 9 tháng 2024 tự lập của MIC

❖ Trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm:

	30/09/2024	31/12/2023	31/12/2022
		VND	VND
Công ty TNHH MTV Thương mại và Xây dựng Chi Linh	2.655.989.391	5.140.000.000	834.198.399
Công ty TNHH SGMC Việt Nam		901.915.000	1.801.915.000
Công ty TNHH Huỳnh Nguyên Bảo		-	5.050.816.916
Công ty TNHH Vận tải biển Hoàng Hiệp		-	4.000.000.000
Công ty TNHH Hoàng Tiệp Việt Nam	5.140.000.000		
Các đối tượng khác	1.849.325.952	1.260.083.696	2.729.132.000
	9.645.315.343	7.301.998.696	14.416.062.315

Nguồn: BCTC hợp nhất 2023 đã được kiểm toán, BCTC HN 9 tháng 2024 tự lập của MIC

f) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

DVT: triệu đồng

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Chi phí dự án nâng công suất khai thác mỏ Hương An	-	4.783	-
Nhà máy chế biến Trảng Thạch	1.229	1.229	1.244
Chi phí đầu tư dự án khai thác mỏ quặng felspat	-	-	2.657
Chi phí đầu tư mở rộng dây chuyền chế biến cát trắng	33.921	-	-
Chi phí khác	15	302	-
Tổng	35.165	6.314	3.901

Nguồn: BCTC HN năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC HN 9T/2024 tự lập của MIC

Dự án nâng công suất khai thác mỏ cát trắng Hương An và mở rộng dây chuyền chế biến cát trắng:

Theo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 2570/QĐ-UBND, điều chỉnh lần 1 ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam, Công ty đã được UBND tỉnh thống nhất đề nghị của Công ty về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản cát trắng tại mỏ Hương An, thuộc huyện Quế Sơn và xã Bình Giang, Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Công suất khai thác trước đó tại mỏ cát này là 180.000 tấn/năm. Theo thống nhất chủ trương điều chỉnh này, trong năm 2023, bên cạnh việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý điều chỉnh giấy phép, Công ty đã chủ động đầu tư nâng cấp công suất dây chuyền khai thác mỏ cát trắng từ 180.000 tấn/năm lên 300.000 tấn/năm với chi phí ghi nhận tại 31/12/2023 là 4,7 tỷ đồng, và nâng cấp dây chuyền chế biến cát tương ứng của Công ty với chi phí ghi nhận năm 2022 là 33,9 tỷ đồng.

Ngày 10/01/2024, Công ty nhận được điều chỉnh giấy phép khai thác tại mỏ cát trắng Hương An theo Quyết định số 78/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường để nâng công

suất khai thác lên 300.000 tấn/năm.

Dây chuyền chế biến cát trắng sau khi được nâng cấp đã được ghi nhận là các tài sản cố định bao gồm:

Đơn vị tính: triệu đồng

Móng máy dây chuyền CLC	1.048
Hệ thống gàu tách bùn dây chuyền CLC	1.048
Hệ thống sàn thao tác dây chuyền CLC	2.310
Nhà vệ sinh khu vực chế biến dây chuyền CLC	3.796
Nắp grating thép mạ kẽm kích thước 1000x500x45mm dây chuyền CLC	227
Mặt bằng dây chuyền CLC	59
Bê tông bảo vệ hệ thống trụ băng tải dây chuyền CLC	332
Hệ thống chống sét - Cột thu lôi dây chuyền CLC	84
Nhà xưởng dây chuyền CLC	47
Dây chuyền chế biến cát trắng CLC	265
Hệ thống điện dây chuyền CLC	21.213
Phòng điều hành dây chuyền CLC	1.105
Nhà kho chứa vật tư dây chuyền CLC	182
Thi công sân bê tông chứa cát tuyển thành phẩm	52
Dây chuyền chế biến cát trắng - Line 3 CLC	159
Tường rào Thăng Bình	2.957
Tổng Cộng	85

Dự án khai thác mỏ quặng felspat và nhà máy chế biến Trảng Thạch:

Nhà máy chế biến Trảng Thạch và mỏ quặng felspat thuộc lĩnh vực kinh doanh của công ty con của MIC – Công ty TNHH Trảng Thạch Đại Lộc. Việc khai thác mỏ quặng felspat được thực hiện tại xã Đại Đồng (Khu Hồ Mít, Khu An Định) và xã Đại Quang (một phần của Khu Hòa Thạch, Khu Suối Bà Thai), huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1995/QĐ-QLTN ngày 20/07/1996 và Quyết định số 995/QĐ-BTNMT ngày 28/07/2006 của Bộ Tài nguyên Môi trường cho tới năm 2022 (giấy phép hết hạn). Năm 2023, để hoàn thiện các thủ tục xin phê duyệt nâng cấp trữ lượng mỏ felspat tại khu vực còn lại của Khu Hòa Thạch, Khu Suối Bà Thai, xã Đại Quang, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, Công ty đã thuê đơn vị thi công thăm dò nâng cấp trữ lượng để lập báo cáo kết quả thăm dò trình Hội đồng đánh giá trữ lượng mỏ Quốc Gia theo quy định. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang từ việc thi công này được hạch toán trong năm 2024 là 2,6 tỷ đồng.

Trong năm 2023, Công ty thực hiện di dời nhà máy sản xuất bột Trảng Thạch tại xã Bàn Tân, huyện Đại Lộc về xã Đại Nghĩa, huyện Đại Lộc để gần với vị trí khai thác trữ lượng mới hơn, thuận tiện cho việc sản xuất kinh doanh sau khi có giấy phép khai thác. Chi phí ghi nhận cho việc

di dời nhà máy năm 2023 1,2 tỷ đồng.

g) Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 15: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước – Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Thuế, các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Thuế GTGT	827	-	3.733
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.141	4.374	4.379
Thuế thu nhập cá nhân	58	-	-
Thuế tài nguyên	799	-	3.080
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.237
Phí và lệ phí	44	26	236
Tổng	6.871	4.400	13.667

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán; BCTC riêng 9T/2024 tự lập của MIC.

Bảng 16: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước – Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Thuế, các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Thuế GTGT	850	3	3.733
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.141	4.373	4.379
Thuế thu nhập cá nhân	61	3	34
Thuế tài nguyên	804	-	3.080
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	6	2.237
Phí và lệ phí	38	20	203
Tổng:	6.897	4.406	13.668

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC HN 9T/2024 tự lập của MIC.

Đến thời điểm hiện nay, theo xác nhận của cơ quan thuế, Minco không có khoản chậm nộp thuế hoặc nợ thuế nào.

h) Trích lập các quỹ

Việc trích lập các quỹ của Công ty tuân thủ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và được Đại hội đồng Cổ đông quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị. Tình hình trích lập các quỹ của Công ty trong 02 năm qua như sau:

Bảng 17: Số dư các quỹ của MIC – Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	-	-
Quỹ khác thuộc VCSH	401	401
Tổng	401	401

Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán của MIC.

Bảng 18: Số dư các quỹ của MIC – Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	-	-
Quỹ khác thuộc VCSH	401	401
Tổng	401	401

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của MIC

i) Tổng dư nợ vay:**Bảng 19: Các khoản vay, nợ thuê tài chính của MIC – Công ty mẹ**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
I	Vay ngắn hạn	24.735	34.790	34.804
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	24.735	34.790	34.804
II	Vay dài hạn	525	2.072	1.630
1.1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	525	2.072	1.630
	Tổng dư nợ vay	25.260	36.862	36.434

Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán; BCTC 9T/2024 tự lập của MIC.

Bảng 19: Các khoản vay của MIC – Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
I	<i>Vay ngắn hạn (*)</i>	24.735	34.790	34.804
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Quảng Nam	24.735	34.790	34.804
II	<i>Vay dài hạn (**)</i>	525	2.072	1.630
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Quảng Nam	525	2.072	1.630
	Tổng dư nợ vay	25.260	36.862	36.434

Nguồn: BCTC hợp nhất 2023 đã được kiểm toán, BCTC HN 9T/2024 tự lập của MIC.

(*) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh Quảng Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2022/586184/HĐTĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC với hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa là 35.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày kí hợp đồng. Thời hạn cho vay của mỗi khoản vay được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được xác định vào thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất của ngân hàng cho từng thời kỳ và được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ. Lãi vay được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.

Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu và các tài sản cố định hữu hình của Công ty với giá trị ghi sổ/giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là 520.000.000 VND, 2.770.000.000 VND, 1.380.000.000 VND và 12.259.934.000 VND (tại 31 tháng 12 năm 2022: tiền gửi ký quỹ, trái phiếu, tài sản cố định hữu hình và chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị còn lại/giá trị ghi sổ là 520.000.000 VND, 1.380.000.000 VND, 13.156.892.399 VND và 6.065.720.436 VND) (chi tiết tại Thuyết minh số 4, 5, 12 và 14);

- Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và Hàng tồn kho với tổng giá trị tối thiểu là 14.650.905.214 VND (chi tiết tại Thuyết minh số 6 và 10).

- Quyền khai thác khoáng sản tại Khu C, Mỏ cát trắng Hương An tại huyện Thăng Bình và huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam của Công ty.

(**) Khoản vay dài hạn từ BIDV Quảng Nam theo:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2021/586184/HĐTĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021 để thanh toán tiền mua xe ô tô Ford Everest Titanium 2.0L AT 4x2 với tổng giá trị cho vay là 700.000.000 VND và thời hạn vay là 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là 8%/năm kể từ ngày giải ngân đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, và từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 trở đi áp dụng lãi suất thả nổi và được điều chỉnh mỗi 06 tháng. Lãi suất cho vay điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 24 tháng huy động vốn dân cư trả lãi sau + phí ngân hàng tối thiểu 3%/năm. Lãi suất áp dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 8,6%/năm. Lãi vay được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hình thành từ hợp đồng vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/586184/HĐBĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021 với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 859.894.847 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 973.287.575 VND)

- Hợp đồng tín dụng số 01/2023/586184/HĐTĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 để thanh toán tiền mua 2 máy xúc lật bánh lốp LIUGONG với tổng giá trị cho vay là 1.800.000.000 VND và thời hạn

vay là 04 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là 9%/năm kể từ ngày giải ngân đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, và từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 trở đi áp dụng lãi suất thả nổi và được điều chỉnh mỗi 06 tháng. Lãi suất cho vay điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 24 tháng huy động vốn dân cư trả lãi sau + phí ngân hàng tối thiểu 3,5%/năm. Lãi suất áp dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 9%/năm. Lãi vay được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hình thành từ hợp đồng vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023/586184/HĐBĐ ngày 01 tháng 7 năm 2023 với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.446.242.440 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 973.287.575 VND).

j) Tình hình công nợ:

Bảng 20: Nợ phải trả của MIC – Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
I	Nợ ngắn hạn	62.749	74.193	88.154
1	Phải trả người bán ngắn hạn	11.149	14.211	17.760
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	7.211	5.974	381
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.871	4.400	13.667
4	Phải trả người lao động	2.860	2.256	1.130
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	5.094	3.749	9.151
6	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	291	239	771
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	25.860	41.178	41.192
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.410	2.183	4.099
II	Nợ dài hạn	2.627	9.976	5.112
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.627	9.976	5.112
	TỔNG CỘNG	65.377	84.170	93.266

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán, BCTC riêng 9T/2024 soát xét của MIC.

Bên cạnh các khoản vay ngân hàng, nợ thuê tài chính cho mục đích sản xuất kinh doanh, Các khoản phải trả người bán chiếm tỷ trọng trung bình gần 20% trong tổng số các khoản phải trả của Công ty. Phải trả người bán được duy trì tương đối ổn định qua các năm với các đối tác đã đồng hành lâu năm của Công ty và đồng nhất với sản lượng bán ra của Công ty.

Chi phí phải trả khác của Công ty chủ yếu là các khoản hỗ trợ ngân sách xây dựng cơ sở hạ tầng địa phương, có giá trị gần 3,1 tỷ đồng năm 2023.

Bảng 21: Nợ phải trả của MIC – Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
I	Nợ ngắn hạn	63.081	74.570	88.425
1	Phải trả người bán ngắn hạn	11.390	14.595	17.851
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	7.211	5.924	381
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.897	4.406	13.668
4	Phải trả người lao động	2.860	2.256	1.169
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	5.140	3.959	9.151
6	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	310	66	911
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	25.860	41.178	41.192
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.410	2.183	4.099
II	Nợ dài hạn	3.261	11.079	6.720
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.627	9.976	5.112
2	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	633	1.102	1.607
	TỔNG CỘNG	66.342	85.649	95.145

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán, BCTC HN 9T/2024 tự lập của MIC.

() Chi tiết Khoản mục Phải trả người bán (ĐVT: triệu đồng)**

	30/09/2024	31/12/2023	31/12/2022
Công ty Cổ phần Logistics Portserco	6.048	4.256	2.220
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quốc tế Thành Nam	4.597	486	869
Công ty TNHH Một thành viên Giang Phú Thành	1.914	1.742	1.864
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	1.782	352	160
Công ty Cổ phần VP SILICA	-	2.244	513
Công ty TNHH Premium Silica Huế	-	1.405	1.500
Các đối tượng khác	3.419	3.727	4.023
Tổng cộng	17.760	14.212	11.149

Nguồn: MIC

Một số khoản phải trả người bán chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu phải trả của MIC như Công ty CP Logistics Portserco, Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quốc tế Thành Nam (chiếm tỷ trọng lần lượt 36,5%; 16,4% cơ cấu phải trả người bán mỗi công ty). Đây đều là các đối tác cung cấp lâu năm của MIC và các khoản nợ đều được MIC thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

- Tình hình thanh toán các khoản nợ:

- + Đối với các khoản công nợ phải trả, Công ty thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ xác nhận, đối chiếu công nợ với các khách hàng, nhà cung cấp. Các khoản nợ phải trả được công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn.
- + Công ty không có các khoản nợ quá hạn, không vi phạm các hợp đồng/cam kết.

k) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:

Bảng 22: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối – Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

LNST chưa phân phối	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
LNST chưa phân phối / (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	(33.369)	(2.775)	900	14.005	24.771
LNST chưa phân phối kỳ này	206	4.233	13.105	10.765	8.782
Tổng cộng	(33.162)	1.457	14.005	24.770	33.552

Thông tin về giá trị Lỗ lũy kế trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán:

Minco ghi nhận lỗ từ năm 2011, giá trị lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2020 là 33,3 tỷ đồng. Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ/ĐHĐCĐTN2021 ngày 29/06/2021, ĐHCĐ Minco đã thống nhất thông qua phương án sử dụng toàn bộ nguồn Thặng dư vốn cổ phần và Quỹ Đầu tư phát triển để bù đắp lỗ lũy kế, lành mạnh hóa tài chính của Công ty, cụ thể:

Khoản mục	Số tiền (đồng)
Lỗ lũy kế tại thời điểm 31/12/2020	(33.162.643.986)
Thặng dư vốn cổ phần tại thời điểm 31/12/2020	26.152.157.254
Quỹ đầu tư phát triển tại thời điểm 31/12/2020	4.235.025.789
Giá trị LNST chưa phân phối sau bù đắp	(2.775.460.943)
Lợi nhuận sau thuế năm 2021	4.233.299.829
Giá trị LNST tại ngày 31/12/2021	1.457.838.886

Theo BCTC năm 2022-2023 được kiểm toán, và BCTC HN 9 tháng năm 2024 tự lập của Công ty, Lợi nhuận lũy kế của Công ty từ năm 2022 đến hết tháng 9/2024 đạt 33.552 triệu đồng, đã vượt quá số bù lỗ theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2021, đảm bảo nguồn tài chính ổn định cho Công ty trong tương lai. Bên cạnh đó, với giá trị LNST giữ lại hơn 33 tỷ đồng hiện nay, Công ty hoàn toàn có thể lành mạnh hóa tình hình tài chính, ổn định và gia tăng năng lực sản xuất kinh doanh, độ tín nhiệm của khách hàng đối với năng lực tài chính, năng lực kinh doanh của Minco cũng ngày càng được cải thiện.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 23: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Khoản mục	ĐVT	BCTC Công ty mẹ		BCTC hợp nhất	
			2022	2023	2022	2023
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
1	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn <i>Tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,75	0,63	0,76	0,61
2	Hệ số khả năng thanh toán nhanh <i>(tài sản ngắn hạn- hàng tồn kho)/ nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,64	0,55	0,64	0,52
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	47,69	50,37	48,42	51,26
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	91,16	101,47	93,89	105,19
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
1	Vòng quay tổng tài sản <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ</i>	Lần	1,21	1,19	1,22	1,19
2	Vòng quay vốn lưu động <i>Doanh thu thuần/ Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>	Lần	2,96	3,84	2,90	3,86
3	Vòng quay hàng tồn kho <i>Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân</i>	Lần	14,00	21,64	12,12	19,90
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
1	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) <i>Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần</i>	%	9,28	6,23	8,73	5,97
2	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>	%	11,22	7,39	10,66	7,08
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu (ROE) <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>	%	21,22	14,67	20,44	14,16
4	Thu nhập trên cổ phần	đ/cp	2.482	2.026	2.363	1.952

Nguồn: Tính toán từ BCTC riêng, hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán của MIC.

11.3 Thông tin về giao dịch với các bên liên quan

Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2023 đã được kiểm toán:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần VP SILICA	102.626.873.142	44.694.413.320
Công ty TNHH MTV Tràng Thạch Đại Lộc	-	716.088.390
Công ty TNHH Hoàng Tiệp Việt Nam	2.347.249.146	-
	104.974.122.288	45.410.501.710
Mua tài sản cố định		
Công ty TNHH MTV Tràng Thạch Đại Lộc	-	409.090.909
	-	409.090.909
Mua hàng hóa dịch vụ		
Công ty TNHH Hoàng Tiệp Việt Nam	7.745.444.900	-
Công ty Cổ phần VP SILICA	2.048.148.148	513.374.400
Công ty TNHH MTV Tràng Thạch Đại Lộc	2.235.292.818	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia	75.454.545	-
	12.104.340.411	513.374.400
Lãi cho vay		
Công ty TNHH MTV Tràng Thạch Đại Lộc	41.250.000	41.250.000
	41.250.000	41.250.000

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần VP SILICA	102.626.873.142	44.694.413.320
Công ty TNHH Hoàng Tiệp Việt Nam	2.347.249.146	-
	104.974.122.288	44.694.413.320
Mua hàng hóa dịch vụ		
Công ty TNHH Hoàng Tiệp Việt Nam	7.745.444.900	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia	75.454.545	-
Công ty Cổ phần VP SILICA	2.048.148.148	513.374.400
	9.869.047.593	513.374.400

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1 Thành viên Hội đồng quản trị

Bảng 24: Danh sách thành viên HĐQT của MIC

Họ và tên	Chức vụ
Lê Thị Thu Hường	Chủ tịch HĐQT
Phạm Ngọc An	Thành viên HĐQT

Nguyễn Văn Việt	Thành viên HĐQT
Nguyễn Thế Lâm	Thành viên HĐQT độc lập
Nguyễn Anh Nguyên	Thành viên HĐQT

❖ **Bà Lê Thị Thu Hương – Chủ tịch HĐQT**

- Họ và tên : **Lê Thị Thu Hương**
- Ngày sinh : 02/06/1983
- Số CMND : 034183000283
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Căn 2222 – CT12B – KĐTMM Kim Văn Kim Lũ – Phường Đại Kim – TP. Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác mỏ/Cử nhân tài chính doanh nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Trợ lý Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Việt Phương
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Công ty làm việc
2002-2007	Sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất
2007 – nay	Trợ lý Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Việt Phương
26/04/2023 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị MIC

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng với 00% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 00% Vốn điều lệ).
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của MIC:

Tên người liên quan	Mối quan hệ	SL nắm giữ	Tỷ lệ
Lê Tuấn Điệp	Em ruột	342.855	6,18%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	9T/2024
Thù lao và tiền lương (đồng)	Không có	48.000.000	54.000.000
Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động....)	Không có	Không có	Không có
Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện (đồng)	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

❖ Ông: Phạm Ngọc An –Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên : Phạm Ngọc An
- Ngày sinh : 06/10/1984
- Số CMND : 095084000084
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : A1.9.1 HAGL Gold House, Phước Kiển, Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty cổ phần VP Silica
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Công ty
1/2007 – 12/2008	Chuyên viên phân tích đầu tư Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ
1/2009 – 12/2010	Chuyên viên phát triển đại lý ACB WU, Ngân hàng TMCP Á Châu
1/2011 – 12/2013	Phó Giám đốc Đầu tư Công ty CP Chứng khoán Phú Gia
1/2014 – 12/2016	Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản Bình Thuận
1/2017 – 12/2019	Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản VICO Quảng Trị
1/2020 – 05/2022	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Hue Premium Silica
11/2020 – nay	Tổng Giám đốc Công ty CP Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam
05/2022 – nay	Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty CP VP Silica

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của MIC:

Tên người liên quan	Mối quan hệ	SL nắm giữ	Tỷ lệ
CTCP VP Silica	Tổ chức có liên quan	1.366.025	24,6%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	9T/2024
Thù lao và tiền lương (đồng)	612.000.000	708.300.000	554.400.000
Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động....)	Không có	Không có	Không có
Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện (đồng)	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

❖ Ông: Nguyễn Văn Việt – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : Nguyễn Văn Việt
- Ngày sinh : 05/09/1972
- Số CMND : 040072000710
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : P306 – CC An Lộc 2 – Phường An Phú – TP. Thủ Đức – TP. HCM.
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Phó Tổng giám đốc – Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Việt Phương.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
1995-1997	Nhân viên Phòng quản trị và hành chính – Công ty Xây dựng Kukdong.
1997-2006	TP Chất lượng, Giám đốc an toàn Công ty Mía đường Nghệ An – Tate&Lyte.
2006-2023	Phụ trách kinh doanh nhóm quốc gia Việt Nam-Indonesia – Tập đoàn dầu khí Shell.
2023 – nay	Phó Tổng giám đốc – Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Việt Phương
26/04/2023 – nay	Thành viên HĐQT MIC

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 00 cổ phần (tương ứng với 00% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 00% Vốn điều lệ).
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của MIC:

Tên người liên quan	Mối quan hệ	SL nắm giữ	Tỷ lệ
CTCP Tập đoàn đầu tư Việt Phương	Tổ chức có liên quan	1.417.330	25,6%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	9T/2024
Thù lao và tiền lương (đồng)	Không có	24.000.000	27.000.000
Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động....)	Không có	Không có	Không có
Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện (đồng)	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

❖ Ông: Nguyễn Thế Lâm – Thành viên HĐQT độc lập

- Họ và tên : Nguyễn Thế Lâm
- Ngày sinh : 28/01/1979

- Số CMND : 017079000046 do Công an Hà Nội cấp ngày 15/11/2018
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Số 18, ngách 32/42, An Dương, Tây Hồ, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế và quản lý địa chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Trưởng phòng NC và PT Mỏ - CTCP Tập đoàn Đầu tư Việt Phương
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ - Công ty
1/1998 – 10/2001	Công ty TM Hòa Bình – Chi nhánh Hà Nội: - Nhân viên phòng Kinh doanh - Phó trưởng phòng Kinh doanh
11/2001 – 11/2002	TP kinh doanh – Công ty TNHH TM Hữu Nghị II - TP Kinh doanh - Trưởng VPĐD Công ty tại Viêng chăn - Lào
12/2002 – 3/2010	Trưởng phòng Kinh doanh - Công ty TNHH Hoàng Hợp
4/2010 – 4/2016	Trưởng phòng Kinh doanh - Công ty CP Khoáng sản SIMCO – FANSIPAN
5/2016 - nay	TP Nghiên cứu và phát triển Mỏ - Công ty CP Tập đoàn đầu tư Việt Phương
2/2017 - nay	Thành viên HĐQT – CTCP Kỹ nghệ KS Quảng Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng với 00% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 00.% Vốn điều lệ).
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của MIC: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	9T/2024
Thù lao và tiền lương (đồng)	36.000.000	36.000.000	27.000.000
Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động....)	Không có	Không có	Không có

Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện (đồng)	Không có	Không có	Không có
--	----------	----------	----------

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

❖ Ông: Nguyễn Anh Nguyên – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : Nguyễn Anh Nguyên
- Ngày sinh : 08/07/1984
- Số Hộ chiếu : C8MHC26MM
- Quốc tịch : Đức
- Địa chỉ thường trú : KV 12-5 Khu Royal Park, phường Thủy Vân, TP. Huế
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Phó Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần VP Silica
Thành viên Ban Cố vấn – Đại học Huế
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ - Tổ chức
1/2011 – 10/2017	Kỹ sư quy trình + trưởng dự án - Công ty Wurth Elektronik eiSos GmbH & Co. KG.
11/2017 - 04/2019	Trưởng phòng phát triển cấp cao - Công ty Wurth Elektronik eiSos GmbH & Co. KG.
6/2019 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần VP Silica. Thành viên Ban cố vấn của trường Đại học Huế - Khoa kỹ thuật và Công nghệ Huế.
6/2022 – nay	Thành viên HĐQT – Công ty CP Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tương ứng với 00% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 00% Vốn điều lệ).
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của MIC:

Tên người liên quan	Mối quan hệ	SL nắm giữ	Tỷ lệ
CTCP VP Silica	Tổ chức có liên quan	1.366.025	24,6%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	9T/2024
Thù lao và tiền lương (đồng)	24.000.000	36.000.000	27.000.000
Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động....)	Không có	Không có	Không có
Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện (đồng)	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

12.2 Thành viên Ban Kiểm soát

Bảng 25: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát của MIC

Họ và tên	Chức vụ
Lê Thị Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát
Nguyễn Văn Dũng	Thành viên Ban kiểm soát
Nguyễn Anh Tài	Thành viên Ban kiểm soát

❖ Bà: Lê Thị Hạnh – Trưởng BKS

- Họ và tên : **Lê Thị Hạnh**
- Ngày sinh : 20/02/1985
- Số CMND : 040185032118
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Xóm Trung Xuân – Xã Diễn Xuân – Huyện Diễn Châu – Tỉnh Nghệ An.
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế/Cử nhân Luật.
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Trưởng Ban Kiểm Soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Giám đốc Ban KTNB – Công ty CP Capella Group.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
2007-2010	Chuyên viên đầu tư – Công ty CP Tập đoàn Cà phê Thái Hoà
2010-2021	Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ - Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Việt Phương
2022-2023	Tổng giám đốc – Công ty CP Bất động sản Vimedimex
2023-nay	Giám đốc Ban KTNB – Công ty CP Capella Group.
26/04/2023 – nay	Trưởng BKS MIC

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 102.000 cổ phần (tương ứng với 1.84% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 102.000 cổ phần (tương ứng với 1,84% Vốn điều lệ).
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % Vốn điều lệ).
 - Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của MIC: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	9T/2024
Thù lao và tiền lương (đồng)	0	24.000.000	27.000.000
Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động....)	Không có	Không có	Không có
Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện (đồng)	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

❖ Ông: Nguyễn Văn Dũng – Thành viên BKS

- Họ và tên : Nguyễn Văn Dũng
- Ngày sinh : 20/06/1989
- Số CMND : 024089010001
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Căn 1111 – Tháp B – Khu nhà ở Hi Brand – Đô thị mới Văn Phú – Phường Phú La – Quận

Hà Đông – Hà Nội.

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kỹ thuật Mỏ.
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: : Chuyên viên Ban Đầu tư và Phát triển Dự án
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Việt Phương.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
2012-2016	Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ Luyện kim – Bộ Công thương
2016-nay	Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Việt Phương.
26/04/2023 – nay	Thành viên BKS MIC

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tương ứng với 00% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của MIC: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	9T/2024
Thù lao và tiền lương (đồng)	Không có	20.000.000	22.500.000
Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động....)	Không có	Không có	Không có
Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện (đồng)	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

❖ Ông: Nguyễn Anh Tài – Thành viên BKS

- Họ và tên : Nguyễn Anh Tài
- Ngày sinh : 16/01/1992
- Số CMND : 187156625
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Xóm 9, xã Diễn Châu, huyện Diễn Xuân, Nghệ An

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính doanh nghiệp
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
1/2014 – 11/2015	Nhân viên kế toán – Cty CP Amacciao
12/2015 – 12/2016	Nhân viên kế toán – Cty CP Sông Đà 5
01/2017 – 12/2017	Nhân viên kế toán – Cty CP Biển Bạc
10/2017 – 12/2019	Trợ lý Kiểm toán viên – Công ty TNHH Kiểm toán Châu Á
12/2019 – 11/2021	Trợ lý Kiểm toán viên – Cty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Hà Nội
12/2021 – 09/2022	Phòng Kiểm soát nội bộ - Cty CP Tập đoàn Đầu tư Việt Phương
6/2021 – nay	Thành viên BKS – Công ty CP kỹ nghệ KS Quảng Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tương ứng với 00% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của MIC: Không có

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	9T/2024
Thù lao và tiền lương (đồng)	30.000.000	30.000.000	22.500.000
Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động....)	Không có	Không có	Không có
Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện (đồng)	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

12.3 Thành viên Ban Tổng giám đốc

Bảng 26: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc của MIC

Họ và tên	Chức vụ
Phạm Ngọc An	Thành viên HĐQT kiêm TGD (xem thông tin chi tiết tại mục 12.1 – Thành viên HĐQT)
Trần Thanh Sơn	Phó Tổng giám đốc thường trực
Phan Minh Tuấn	Kế toán trưởng

❖ **Ông: Trần Thanh Sơn – Phó TGD**

- Họ và tên : Trần Thanh Sơn
- Ngày sinh : 10/12/1991
- Số CMND : 036091003906
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 21 Lê Văn Lương, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần VP Silica
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Công ty
1/2013 – 10/2016	Phó phòng đầu tư – Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận
10/2016 – 11/2019	Trưởng phòng TC-KT, Kế toán trưởng – Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thụ
11/2019 – 12/2020	Trưởng phòng TC-KT, Kế toán trưởng – Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị
12/2020 – 12/2021	Trợ lý Tổng giám đốc – Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Việt Phương
2/2021 - nay	Phó Tổng giám đốc – Công ty CP Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam
5/2022 – nay	Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty cổ phần VP Silica

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của MIC:

Tên người liên quan	Mối quan hệ	SL nắm giữ	Tỷ lệ
CTCP VP Silica	Tổ chức có liên quan	1.366.025	24,6%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	9T/2024
Thù lao và tiền lương (đồng)	636.000.000	672.300.000	527.400.000
Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động...)	Không có	Không có	Không có
Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện (đồng)	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

❖ Ông: Phan Minh Tuấn – Kế toán trưởng

- Họ và tên : Phan Minh Tuấn
- Ngày sinh : 18/03/1980
- Số CMND : 205005350 do Công an Quảng Nam cấp ngày 16/07/2011
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Tổ 5, thôn Phong Thử I, xã Điện Thọ, huyện Điện Bàn, Quảng Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Công ty
12/2005 - 7/2008	Phụ trách kế toán Công ty Lâm nghiệp và Dịch vụ Nam Giang
8/2008 - 4/2010	Nhân viên kế toán Công ty TNHH MTV Cao su Nam Giang - Quảng Nam

5/2010 - 5/2011	Quyền Trưởng phòng TC - KT Công ty TNHH MTV Cao su Nam Giang - Quảng Nam
7/2012 - 3/2014	Phụ trách kế toán Khách sạn Fansipan - Công ty TNHH Phan Xi Pan
4/2014 - 5/2014	Nhân viên Phòng TC - KT CTCP Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam
5/2014 - 11/2015	Phụ trách Kế toán CTCP Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam
6/2014 - nay	Đại diện Công bố thông tin CTCP Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam
11/2015 - nay	Kế toán trưởng CTCP Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 00 cổ phần (tương ứng với 00% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 00 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của MIC: Không có

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	9T/2024
Thù lao và tiền lương (đồng)	279.019.335	321.118.429	245.345.500
Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động....)	Không có	Không có	Không có
Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện (đồng)	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

13. Tài sản

13.1 Tài sản cố định hữu hình

Bảng dưới đây liệt kê tình hình tài sản cố định hữu hình của MIC.

Bảng 27: Tài sản cố định hữu hình – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/06/2024	
	NG	GTCL	NG	GTCL	NG	GTCL
Nhà cửa, vật kiến trúc	35.705	11.996	38.424	12.974	39.054	12.761
Máy móc thiết bị	48.578	10.091	50.928	20.629	50.928	19.459
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6.212	1.432	7.267	2.96	7.267	2.016
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.413	762	2.336	648	2.336	573
Tổng cộng	92.910	24.282	98.956	36.450	99.586	34.810

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán; BCTC riêng 6T/2024 soát xét của MIC.

Bảng 28: Tài sản cố định hữu hình – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/06/2024	
	NG	GTCL	NG	GTCL	NG	GTCL
Nhà cửa, vật kiến trúc	39.024	12.008	41.742	12.969	42.373	12.755
Máy móc thiết bị	50.196	9.551	52.227	20.089	52.227	18.918
Phương tiện vận tải truyền dẫn	7.214	1.488	8.178	2.252	8.178	2.072
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.503	833	2.426	720	2.426	644
Tổng cộng	98.938	23.882	104.575	36.032	105.205	34.392

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán; BCTC HN 6T/2024 soát xét của MIC.

Bảng 29: Một số tài sản cố định hữu hình lớn của MIC tại thời điểm 30/06/2024

Đơn vị: triệu đồng

Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
Dây chuyền chế biến bột Silica	9.832.857.566	2.175.192.536	22%
Dây chuyền thiết bị chế biến bột Silica	2.148.594.128	949.569.122	44%
Nhà xưởng Silica (XL và HT điện)	1.043.079.904	521.539.954	50%
Nhà kho Silica (XL và HT điện)	1.793.611.110	896.805.514	50%
Phân xưởng sấy, kho Thăng Bình	3.354.113.030	0	0%
Sân đường, mương TB	1.505.956.718	0	0%

Đường giao thông Bình Phục - Bình Giang	9.927.901.330	2.230.468.403	22%
Nhà làm việc VP Công ty	1.706.601.113	501.950.069	29%
Máy đào bánh xích Hyundai Robex 3000LC-7	1.302.727.272	884.768.924	68%
Xe Ford Everest (10 năm)	1.133.927.273	803.198.483	71%
Dây chuyền tuyển rửa (Line 2)	3.841.267.151	3.073.013.723	80%
Dây chuyền tuyển rửa (Line 3)	3.091.757.818	2.627.994.154	85%
Hệ thống gàu tách bùn dây chuyền chế biến cát trắng chất lượng cao	2.309.565.000	1.963.130.250	85%
Hệ thống sàng thao tác dây chuyền chế biến cát trắng chất lượng cao	3.796.355.436	3.226.902.126	85%
Dây chuyền chế biến cát trắng chất lượng cao (Thuê tài chính)	21.017.602.478	19.081.770.629	91%
Hệ thống băng tải cát vun cao 14m (Thuê tài chính)	4.852.464.300	4.407.478.500	91%
Tổng Cộng	72.658.381.627	43.343.782.387	60%

Nguồn: MIC

13.2 Tài sản cố định vô hình

Bảng 30: Tài sản cố định vô hình – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/06/2024	
	Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL
Quyền khai thác mỏ	204,7	0	0	0	0	0

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán; BCTC riêng 6T/2024 soát xét của MIC.

Quyền khai thác mỏ của MIC tại Mỏ cát Hương An, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam theo Giấy phép Khai thác mỏ số 103/QĐ/CN.CL ngày 13/11/1995 do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp cấp với một số thông tin sau:

- Diện tích khai thác: 576ha
- Trữ lượng mỏ: 27,716 triệu tấn

Bảng 31: Tài sản cố định vô hình – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
----------	------------	------------	------------

	Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL
Quyền khai thác mỏ	204,7	0	0	0	0	0

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán; BCTC HN 6T/2024 soát xét của MIC. Quyền khai thác mỏ Hợp nhất, ngoài Mỏ cát Hương An do công ty mẹ - Công ty CP Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam, Công ty con của MIC là Công ty TNHH Trảng Thạch Đại Lộc là đơn vị khai thác và sản xuất Bột Trảng Thạch tại mỏ Felspat – huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1995/QĐ-QLTN ngày 20/07/1996 và Quyết định số 995/QĐ-BTNMT ngày 28/07/2006 của Bộ Tài nguyên Môi trường. Diện tích khai thác mỏ: 24,38ha với trữ lượng khai thác là 180.000 tấn quặng felspat, công suất khai thác: 15.000 tấn quặng felspat/năm. Hiện nay, giấy phép đã hết hạn và Công ty đang thực hiện các thủ tục xin cấp phép khai thác mới.

13.3 Tài sản dở dang dài hạn

Tài sản dở dang dài hạn của Công ty phản ánh tại ngày 31/12/2023 và 30/09/2024 như sau:

	30/09/2024	31/12/2023
	VND	VND
Chi phí dự án nâng công suất khai thác	2.657.773.037	4.783.025.253
Nhà máy chế biến Trảng Thạch	1.244.300.691	1.229.260.691
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	302.154.819
	3.902.073.728	6.314.440.763

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC HN 9T/2024 tự lập của MIC

Chi phí đầu tư mở rộng dây chuyền chế biến cát trắng là các chi phí mua sắm máy móc, thiết bị và xây dựng liên quan đến dự án mở rộng dây chuyền chế biến cát trắng của Công ty. Dây chuyền này đã hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2023.

Tài sản dở dang của Nhà máy chế biến Trảng Thạch với giá trị 1,2 tỷ đồng là Dự án xây dựng và di chuyển cơ sở sản xuất của nhà máy chế biến Trảng Thạch của công ty con của MIC sang địa điểm mới phù hợp với việc khai thác mỏ hơn. Tuy nhiên, do các thủ tục xin cấp phép khai thác của Minco vẫn đang được thực hiện, dự án này hiện chưa hoàn thành.

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

Bảng 32: Kế hoạch kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024		Năm 2025
		Giá trị	%tăng trưởng so với năm 2023	
Doanh thu thuần	180.415	235.660	30,6%	221.517
Lợi nhuận sau thuế	10.765	25.120	133,3%	12.216
Vốn điều lệ	55.449	55.449	-	55.449

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,96%	10,66%	4,7%	5,5%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	19,41%	45,30%	25,89%	22,0%
Cổ tức	0%	0%	-	30%

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của MIC; Kế hoạch kinh doanh 2025 do HĐQT Công ty xây dựng, chưa trình ĐHĐCĐ

- Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

+ Căn cứ vào năng lực sản xuất của của nhà máy:

Trong năm 2023, MINCO đã tiến hành cải tiến, nâng cấp dây chuyền sản xuất cát trắng chế biến, sản lượng đáp ứng từ 180.000 tấn/năm lên 300.000 tấn/năm. Chất lượng sản phẩm ổn định, tỷ trọng thành phẩm cát F150, F100, F80 được nâng cao. Phòng thí nghiệm được trang bị cơ sở vật chất hiện đại và được số hóa trực tuyến. Các sản phẩm được test với tỷ lệ sai lệch so với khách hàng rất thấp hoặc tương đương với các đơn vị giám định hàng đầu trong ngành.

+ Tình hình thị trường cho dòng sản phẩm chủ lực của Công ty:

Từ năm 2022, Công ty đã ký hợp với Công ty Cổ phần VP Silica để cung cấp dòng sản phẩm cát chất lượng cao và ổn định, khả năng cung ứng 10.000 tấn SP/tháng, doanh thu từ bán cát trắng chế biến trên 5 tỷ/tháng. Hợp đồng mua bán hàng tháng, doanh thu trên 3 tỷ đồng/tháng với Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng, khả năng cung ứng 5.000 tấn SP/tháng. Ngoài ra còn có hợp đồng xuất khẩu cát trắng với đối tác truyền thống Nexchem Co., Ltd số 2021/MINCO-NEX ngày 27/7/2021, thời hạn từ năm 2021-2030, năng lực cung ứng 200.000 tấn SP/năm. Đến nay, các hợp đồng này đều đang duy trì ổn định và có khả năng tăng cường sản lượng cung cấp. Theo kế hoạch của Ban điều hành, trong năm 2024, Công ty sẽ khai thác tệp khách hàng mới, nâng cao sản lượng cung cấp, tiết giảm chi phí và tìm cách nâng cao giá bán để tối ưu hóa doanh thu, lợi nhuận mang lại cho Công ty.

Kết thúc Quý II/2024, doanh thu của Công ty đạt 121,6 tỷ đồng, đạt 51,6% kế hoạch năm 2024; đồng thời, Lợi nhuận sau thuế 6T/2024 đạt 7,6 tỷ đồng, đạt 30,3% kế hoạch đề ra. Với tiến độ ghi nhận doanh thu và đẩy mạnh tìm kiếm, khai thác khách hàng mới vào Quý 3, Quý 4 năm 2024, HĐQT Công ty tự tin về việc hoàn thành kế hoạch năm đã đề ra.

- Tình hình thực hiện kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

Doanh thu thuần 9 tháng năm 2024 của Công ty là 167 tỷ đồng, đạt 71,1% kế hoạch năm 2024 đề ra. Lợi nhuận sau thuế 9 tháng 2024 là 8,8 tỷ đồng, đạt 35% kế hoạch đề ra. Trong những tháng cuối năm, Ban lãnh đạo Công ty sẽ đốc thúc việc sản xuất và ghi nhận doanh thu từ khách hàng, đảm bảo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Tính đến hết tháng 11 năm 2024, Doanh thu thuần đạt 196,2 tỷ đồng, đạt 83,3% kế hoạch năm 2024. Lợi nhuận sau thuế 11 tháng năm 2024 đạt 15 tỷ đồng, đạt 60% kế hoạch. Ban lãnh đạo Công ty ước tính hết tháng 12/2024, doanh thu lũy kế đạt 216 tỷ đồng, đạt 92% kế hoạch và Lợi nhuận sau thuế đạt 17 tỷ đồng, đạt gần 70% kế hoạch cả năm.

Trong điều kiện không có phát sinh doanh thu bất thường, Ban lãnh đạo của Công ty dự kiến doanh thu và lợi nhuận của Minco năm 2024 khó có khả năng đạt được kế hoạch do ĐHCĐ đề ra. Nguyên nhân chủ yếu của việc dự báo này là việc giảm biên lợi nhuận do tăng giá nguyên vật liệu và chi phí sản xuất trong năm 2024, cụ thể:

Năm 2024, Minco thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất cho phần diện tích khai thác mới mở rộng của mỏ cát Hương An (Theo quyết định số 78/QĐ-BTNMT ngày 10/01/2024 của Bộ TNMT về việc điều chỉnh giấy phép khai thác và quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 của UBND Tỉnh Quảng Nam về việc thu hồi đất cho Công ty thuê để thực hiện dự án khai thác khoáng sản). Đơn giá của việc đấu giá quyền sử dụng đất tăng trong năm 2024 đã dẫn đến chi phí cho việc khai thác mỏ và nguyên vật liệu tăng. Bên cạnh đó, cũng theo quy định, Minco cần san lấp mặt bằng và phục hồi nguyên trạng phần diện tích mỏ cát đã sử dụng hết trữ lượng để thực hiện thủ tục trả về địa phương. Chi phí san lấp này cũng ảnh hưởng trực tiếp và làm tăng chi phí nguyên vật liệu đầu vào, chi phí sản xuất trong năm 2024 của Minco.

Bên cạnh các yếu tố nội tại trên, trong năm 2024, thị trường kính và vật liệu xây dựng, bất động sản cũng chưa thực sự khởi sắc, dẫn đến tình trạng một số đơn hàng trong kế hoạch khai thác của công ty phải chuyển sang năm 2024, đã ảnh hưởng tới khả năng hoàn thành kế hoạch của Công ty.

Đối với kế hoạch năm 2025, HĐQT Công ty xây dựng dựa trên việc đánh giá thị trường bất động sản vẫn chưa khởi sắc, dẫn đến việc tiêu thụ các sản phẩm kính có thể giảm nhẹ so với năm 2024, do đó, trên nguyên tắc thận trọng, các chỉ tiêu được xây dựng cho năm 2025 có sự giảm nhẹ so với năm 2024. Tuy nhiên, việc xin cấp phép của mỏ Felspat – thuộc dự án của Công ty con Trảng Thạch Đại Lộc – được dự kiến hoàn thành trong năm 2025, cũng cung cấp một lượng lớn đất cát bóc phủ trên bề mặt của mỏ (khoảng 300.000 m³) cũng là nguồn bổ sung nguyên vật liệu cho Minco trong trường hợp thị trường có biến động lớn về cung cầu giai đoạn 2025 – 2030. Từ năm 2025, các chi phí đấu giá hoặc san lấp không còn ảnh hưởng nhiều đến chi phí sản xuất, với cơ cấu chi phí như hiện nay, Ban lãnh đạo Công ty tính toán mức biên lợi nhuận của Công ty được duy trì ổn định ở mức ROE 25% trong giai đoạn 5 năm tới.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của MIC cũng như lĩnh vực dịch vụ Công ty. MIC đảm bảo rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi nhận thấy rằng, các kế hoạch mà MIC đặt ra đã được xây dựng trên nền tảng năng lực hiện tại của MIC, đồng thời có xét đến yếu tố thị trường và tình hình kinh tế vĩ mô. Với đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, Ban lãnh đạo và đội ngũ quản lý có trình độ và năng động trong các lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty, đồng thời những diễn biến khả quan về thị trường tài chính trong thời gian tới là những cơ sở tiền đề để MIC hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đặt ra.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức Công ty đưa ra có tính khả thi cao nếu các dự đoán, nhận định của Ban lãnh đạo MIC về thị trường là phù hợp với

thực tế và không có những biến động nghiêm trọng hay các yếu tố bất khả kháng ảnh hưởng đến các lĩnh vực kinh doanh cũng như các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng những đánh giá và nhận định nêu trên được đưa ra dưới góc độ của Tổ chức tư vấn, chỉ mang tính chất tham khảo, không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty cũng như không bao hàm hay đảm bảo cho giá cổ phiếu của MIC.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết
Không có.
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết
Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
2. Mã chứng khoán: MIC
3. Mệnh giá: 10.000 (mười nghìn) đồng
4. Tổng số cổ phiếu niêm yết: 5.544.946 cổ phiếu
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:

Theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 109 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về điều kiện đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.”

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và cổ đông lớn là người có liên quan đến người nội bộ của CTCP Kỹ nghệ và khoáng sản Quảng Nam cam kết giữ 100% cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu trong thời gian 6 tháng tiếp theo theo quy định trên với chi tiết như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu
I	Thành viên Hội đồng quản trị		
	Thành viên HĐQT Không sở hữu cổ phiếu		

II	Thành viên Ban Kiểm soát	
	Lê Thị Hạnh – Trưởng BKS	102.000
III	Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	
	Không có	
IV	Cổ đông lớn là người có liên quan của người nội bộ	
1	Ông Lê Tuấn Điệp <i>Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT – Lê Thị Thu Hương</i>	342.855
2	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Phương <i>(Tổ chức có liên quan của:</i> <i>- Thành viên HĐQT – Nguyễn Văn Việt</i>	1.417.330
3	Công ty cổ phần VP Silica <i>(Tổ chức có liên quan của :</i> <i>- Thành viên HĐQT kiêm TGD – Phạm Ngọc An</i> <i>- Phó Tổng Giám đốc – Trần Thanh Sơn</i> <i>- TV HĐQT – Nguyễn Anh Nguyên</i>	1.366.025

6. Xếp hạng tín nhiệm

Không có

7. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của cổ phiếu MIC như sau:

STT	Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023
1	Vốn chủ sở hữu (đồng)	70.662.163.160	81.427.299.778
2	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (đồng)	-	-
3	SLCP lưu hành (cổ phiếu)	5.544.946	5.544.946
4	Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	12.743	14.684

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán Hợp nhất năm 2023 của MIC

Giá niêm yết được đề xuất dựa trên các phương pháp định giá sau và giá bình quân 30 phiên liên tiếp của cổ phiếu MIC trước ngày hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn Upcom để chuyển niêm yết tại HNX:

- Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu (BV);

Được tính theo công thức sau: Giá trị sổ sách của CP = (Giá trị vốn chủ sở hữu – lợi ích cổ đông không kiểm soát)/số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

Giá trị vốn chủ sở hữu được lấy theo BCTC của Công ty kì gần nhất.

- Hệ số giá cổ phần trên Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (P/B);

$P/B = \text{Giá thị trường của cổ phiếu} / \text{Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu.}$

Giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch cuối cùng của cổ phiếu MIC tại sàn Upcom

- Hệ số giá cổ phần trên Thu nhập bình quân mỗi cổ phần (P/E);

$P/E = \text{Giá thị trường của cổ phiếu (Price)} / \text{Thu nhập trên một cổ phiếu (EPS)}$

Giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch cuối cùng của cổ phiếu MIC tại sàn Upcom

Chỉ số EPS được tính theo công thức:

$EPS = (\text{Lợi nhuận sau thuế} - \text{Cổ tức ưu đãi}) / \text{Số lượng cổ phiếu thường đang lưu hành}$

8. Phương thức thực hiện quyền.

Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày giao dịch cuối cùng của cổ phiếu MIC tại sàn Upcom, sẽ được giữ nguyên số lượng cổ phiếu sở hữu để thực hiện chuyển giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: 49%.

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ: không có quy định cụ thể.

- Theo Công văn số 8240/UBCK-PTTT ngày 12/12/2022 về hồ sơ thông báo sở hữu nước ngoài tối đa của MIC, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%.

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại tổ chức phát hành tại thời điểm tháng 16/10/2024: 0,94%.

10. Các loại thuế có liên quan

Theo Luật thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22/11/2012 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành, cổ đông là cá nhân có thể phải nộp 2 loại thuế sau: (i) thuế đối với việc chuyển nhượng cổ phần và (ii) thuế đối với cổ tức được chia từ MIC.

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/VBHN-VPQH do Quốc hội thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2020 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành, cổ đông là pháp nhân không phải nộp thuế đối với cổ tức được chia nhưng phải nộp thuế chuyển nhượng chứng khoán như sau:

- **Thuế suất:** 20% đối với cổ đông là doanh nghiệp Việt Nam và 0,1% đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài.

- **Thu nhập chịu thuế:** Đối với cổ đông là doanh nghiệp Việt Nam, thu nhập chịu thuế chuyển nhượng chứng khoán sẽ được xác định theo kỳ. Theo đó, thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán trong kỳ được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua của chứng khoán chuyển nhượng, trừ (-) các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng. Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài, thu nhập chịu thuế chuyển nhượng chứng khoán được xác định như đối với cá nhân.

- **Số thuế phải nộp:** Bằng thuế suất nhân (x) thu nhập chịu thuế.

CY
VN
IOA
PH

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN****Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam**

Địa chỉ : Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội

Điện Thoại : (+8424) 71050000 Fax: (+8424) 62885678

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

Địa chỉ : Tầng 5, tòa nhà Samsora Premier, số 105 Chu Văn An, Phường Yết Kiêu, Quận
Hà Đông, Hà Nội.

Điện Thoại : 024 3944 5474 Fax: 024 3944 5475

Website : www.nsi.com.vn

VII. PHỤ LỤC

- Phụ lục I: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000100139, đăng ký lần đầu ngày 25/05/2005, sửa đổi lần 13 ngày 21/11/2020;
- Phụ lục II: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Phụ lục III: Báo cáo tài chính năm 2022, 2023 đã được kiểm toán; BCTC 6T/2024 soát xét của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam;
- Phụ lục IV: Công văn giới thiệu những văn bản có liên quan đến tổ chức niêm yết
- Phụ lục V: Báo cáo tranh chấp pháp luật

[Phần này của trang được cố ý để trống]

Quảng Nam, ngày 11. tháng 12. năm 2024

TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ KHOÁNG SẢN QUẢNG NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Ngọc An

Lê Thị Thu Hường

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Phan Minh Tuấn

Lê Thị Hạnh

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Anh Dũng